



Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

HT Thích Thiện Hoa

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

(Từ Lúc Mới Du Nhập Đến Hết Đời Nhà Lý)

A.-Mở Đề

Trong thời Pháp thuộc, vì vận mệnh chung cả nước nhà đang suy đồi, lại bị văn hóa Tây phương và ngoại đạo lấn áp, nên Phật Giáo đối với phần đông dân tộc Việt nam như là một tôn giáo hạ đẳng, phụ thuộc, không có nghĩa lý gì.

Nhưng vì nếu có ai đi sâu vào lịch sử Phật Giáo Việt-Nam theo dõi bước đi của sự truyền giáo qua các thời đại từ khi dân tộc Việt-Nam mới lập quốc đến ngày nay, thì sẽ thấy Phật Giáo giữ một địa vị quan trọng vô cùng trong công trình gây dựng văn hóa Việt-Nam. Có thể nói một cách không quá rằng: Văn hóa Việt-Nam một phần lớn là văn hóa Phật Giáo. Rút cái tánh chất Phật Giáo trong văn hóa Việt-Nam ra thì văn hóa ấy thật là nghèo nàn, nông cạn. Chính Thượng tọa Mật Thể, trong quyển "Việt-Nam Phật Giáo sử lược" đã nói rất đúng: "nhờ tinh thần sáng suốt của thể đạo, với công nghiệp

bồ giáo của các tổ sư Phật Giáo rất có công to trên lịch sử văn hóa nước nhà".

Ngày nay, để nhận chân đứng đắn cái vai trò quan trọng và sứ mệnh lịch sử của Phật Giáo nước nhà, cũng như để thêm tinh tưởng và phấn khởi mà tu học, để thừa tiếp cái tinh thần "Bi-Trí-Dũng" của đạo mà truyền lại cho các thế hệ về sau, chúng ta, Phật tử Việt-Nam cần phải biết rõ lịch sử Phật Giáo Việt-Nam.

B.-Chánh Đề

I.- Phật Giáo Du Nhập Vào Việt Nam

1.- **Con đường du nhập.**- Nước Việt-Nam ta nằm trên bán đảo Ấn Độ Chi na, giữa hai nước rộng lớn, hai dân tộc đông đảo nhất thế giới, hai nền văn minh sáng lạn của châu Á là Ấn Độ và Trung Hoa. Vì địa thế của nước Việt-Nam nằm ở giữa con đường biển đi Ấn Độ đến Trung Hoa , nên đã chịu ảnh hưởng nhiều của hai nền văn minh ấy .

Riêng về Phật Giáo , thì sư du nhập vào Việt-Nam cũng do cả hai con đường: đường biển từ phía Nam lên và đường bộ từ phía Bắc xuống.

Trong số bốn nhà truyền giáo đầu tiên đặt chân lên Việt-Nam, thì hết ba nhà sư là người Ấn Độ, đi đường thủy sang Trung Hoa truyền đạo và đã ghé tại Việt-Nam là các Ngài: Ma-Ha-Kỳ-Vực, Khương-Tăng-Hội và Chi-Cương-Lương.

Nhà truyền giáo thứ tư là người Trung Hoa, Ngài Mâu-Bác, đã đi đường bộ từ phía Bắc xuống. Đó là điều chứng minh rằng Phật Giáo vào Việt-Nam do cả đường thủy và đường bộ cả từ phía Nam lên và phía Bắc xuống. Nhưng vì nước ta bị Trung Hoa đô hộ ngót một ngàn năm và sau đó vẫn còn lệ thuộc vào văn hóa và chính trị nên về sau con đường truyền giáo từ Trung Hoa sang là con đường chính

2.- Thời đại du nhập đầu tiên. -Theo các sử gia đáng tin cậy, thì nhà thì nhà truyền-giáo đầu tiên đến Việt nam (lúc bấy giờ là đất Giao-Châu) là Ngài Mâu-Bác, người quận Thương Ngô tức là Ngô Châu (Trung Hoa bây giờ). Sau khi vua Hán Linh-Đế mất (189) nước Tàu thường loạn lạc, Ngài theo mẹ qua ở Giao Châu và truyền bá đạo Phật.

Nhà truyền giáo thứ hai đặt chân lên đất Giao-Châu là Ngài Khương-Tăng-Hội, Ngài gốc Khương-Cư (Soadiane, Ấn Độ). Mục đích của Ngài là sang Trung Hoa, nhưng ông thân của Ngài sang Giao-Châu buôn bán nên Ngài cũng theo đường Giao-Châu để sang Trung Hoa. Trung Hoa lúc ấy về đời Tam-Quốc, Ngài đến nước Đông-Ngô và được Ngô-Tôn-Quyền sùng mộ, xin quy-y với Ngài (229-252). Như thế là Ngài Khương-Tăng-Hội ghé lại Giao-Châu vào khoảng đầu thế kỷ thứ III, sau Tây lịch.

Vào khoảng giữa thế kỷ thứ III đến cuối thế kỷ thứ III, đất Giao-Châu lại đón tiếp hai nhà sư Ấn Độ nữa là Ngài Ma-Ha-Kỳ-Vực và Chi-Cương-Lương, trên bước đường sang Trung Hoa truyền-giáo của các Ngài, vào đời nhà Tần (265-306).

Như thế, có thể nói rằng: Đạo Phật du nhập đầu tiên sang Việt-Nam trong khoảng cuối thế kỷ thứ II đến thế kỷ thứ III, sau Tây lịch.

3.- Các môn phái du nhập.- Trong thời kỳ đầu tiên du nhập Việt-Nam, đạo Phật chỉ phớt qua trên đất nước, chưa có màu sắc riêng biệt và

dân chúng chỉ mới tiếp xúc với Đạo- Phật trong phương tiện thờ cúng lễ bái mà thôi.

Phải đợi đến vài ba năm sau, đạo Phật mới thâm nhập dần vào dân chúng và do ảnh hưởng của Phật Giáo Trung Hoa. Có một điều chúng ta ngạc nhiên là, mặc dù Phật Giáo Trung Hoa gồm mười tôn phái, mà chỉ có Thiên-Tôn là được truyền đi sang Việt-Nam trước nhất và mạnh mẽ nhất. Tôn này được truyền vào Việt-Nam trước hết do Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi (Vinitaruci) đưa sang (580). Ngài là đệ-tử được truyền tâm-pháp của Tam-tổ Tăng-Xán, và chính là sơ-tổ Thiên-Tôn ở Việt-Nam.

Đến đời Đường (820) lại có Ngài Vô-ngôn-Thông ở Trung Hoa sang truyền giáo, lập thành phái Thiên-Tôn thứ hai; kế đó là các phái Thảo-Đường, Tào-động, Lâm-tế v.v.. lần lượt truyền sang Việt-Nam.

Tóm lại, đạo Phật du nhập vào Việt-Nam, chỉ có Thiên-Tôn là gây ảnh hưởng mạnh mẽ hơn cả.

B.- Phật Giáo Dưới Thời Hậu Lý Nam Đế (571-602) Và Bắc Thuộc Lần Thứ Ba (603-939)

Từ khi Phật Giáo truyền vào Việt-Nam cho đến thời Tiền Lý Nam-Đế, kể cả trên ba năm (189-548) nhưng vẫn còn nằm trong thời kỳ phôi-thai chưa có gì đáng gọi là thành hành lắm. Đến thời Hậu Lý Nam-Đế (571-602) và Bắc thuộc lần thứ III (603-939) Phật Giáo mới bắt đầu bước vào thời thành đạt.

1.-Giai đoạn thứ nhất.- Sự truyền bá Thiên-Tôn của Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi ở Trung Hoa sang (580) đem Thiên-Tôn truyền bá vào, được người Việt-Nam hết sức sùng mộ. Do đó, lần đầu tiên nước Việt-Nam được biết đến Thiên-Tôn và Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi chính là sơ-tổ phái Thiên-Tôn ở Việt-Nam. Sau Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi có Ngài Pháp-Hiến là đệ tử của Ngài Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi nổi nghiệp thầy, đem đạo Phật truyền sâu trong dân chúng.

2.-Giai đoạn thứ hai.- Ảnh hưởng của ba đoàn truyền giáo:

Đến đây, Phật Giáo Việt-Nam bắt đầu thịnh. Lúc bấy giờ nước ta đang lệ thuộc nhà Tùy, vua Cao-Tổ nhà Tùy, nghe nước ta đạo Phật đang phát-triển mạnh, nên vua ban cho các vị danh tăng ở nước ta năm hòm lễ vật, và sắc lệnh cho xây tháp ở ở chùa Pháp-Vân, chùa Trung-Khánh cùng các danh địa khác.

Sau này Tùy mất ngôi (618) nhà Đường kế nghiệp, vua Đường-Cao-Tổ cũng có ban cho An-Nam năm viên ngọc Xá-Ly và sắc dựng chùa xây tháp.

Cũng trong giai đoạn này, những nhà truyền giáo Trung Hoa và Ấn Độ, thường mượn đường nước ta mà qua lại. Trong khi đi ngang Việt-Nam các Ngài thường ghé lại ít lâu để thuyết-pháp, do đó chung ta cũng chịu được nhiều ảnh hưởng tốt. Trong số những đoàn truyền giáo ấy, đáng kể nhất là ba đoàn sau đây:

a) -Đoàn thứ nhất:Gồm có các Ngài Minh-Viễn pháp-sư, Huệ-Mạnh thiên-sư, và Vô-Hành thiên-sư, đều là người Trung Hoa.

b) -Đoàn thứ hai: Gồm các Ngài Đàm-Nhuận pháp-sư, Trí-Hoàng pháp-sư, và Tăng-Già-Bạt-

Ma (Hai Ngài đều người Trung Hoa và Ngài sau người Tây-Trúc).

c) -Đoàn thứ ba: Gồm sáu nhà sư Việt-Nam là các Ngài Vân-Kỳ thiên-sư, Mộc-Xoa-Đề-Bà, Khuy-Sung pháp-sư, Huệ-Diệm pháp-sư, Trí-Hành thiên-sư bốn Ngài đầu người Giao-Châu, hai Ngài sau người Ái-Châu (Thanh-Hóa, Nghệ-An bbay giờ). Các Ngài này đều từ Việt-Nam đi sang cầu pháp ở Tây-Trúc và tịch, phần nhiều rất sớm, ở Ấn Độ hay Tích-lan.

3.- Giai đoạn thứ ba.- Sự truyền bá của phái Vô-Ngôn-Thông:

Vào năm 820, nước ta lại được một vị cao-tăng thuộc phái Thiên-Tôn sang truyền giáo và lập thành một phái Thiên-Tôn thứ hai là Ngài Vô-Ngôn-Thông.

Ngài họ Trịnh, quê ở Quảng-Châu. Lúc nhỏ Ngài đã mộ đạo, xuất gia tu học tại chùa Song-Lâm, đất Vũ-Châu (Triết-Giang). Tính Ngài điềm đạm, ít nói nhưng sự lý gì cũng hiểu, nên người thời ấy gọi Ngài là Vô-Ngôn-Thông.

Một hôm Ngài đang ngồi lễ Phật, gặp một vị thiên-sư đến điếm-hóa cho Ngài và đưa Ngài đi tìm đức Mã-Tổ mà tham học. Nhưng đến Giang-Tây, Ngài nghe tin đức Mã-Tổ đã tịch rồi, nên Ngài đi đến xin tòng sư với tổ Bạch-Tượng thiên-sư.

Một hôm trong buổi giảng, có vị học tăng hỏi Bạch-Tượng:

Thế nào là pháp-môn của phái Đại-thừa?

Tổ trả lời:

Tâm địa nhược thông, huệ nhật tự chiếu (nghĩa là: nếu tâm địa thông rồi thì mặt trời huệ tự nhiên chiếu sáng).

Nghe được mấy câu ấy, Ngài Vô-Ngôn-Thông liền ngộ đạo. Ngài trở về Quảng-Châu, trụ trì tại chùa An-Hòa. Đến năm 820, Ngài qua Việt-Nam trú ở chùa Kiến-Sơ, làng Phù-Đông (Bắc Ninh) trọn ngày ngồi xây mặt vào vách mà thiền định. Như thế đã mấy năm mà không ai biết; chỉ có vị sư ở chùa ấy là Cảm-Thành thiên-sư biết Ngài là bậc Cao-tăng đặc đạo tông phái Thiên-Tôn, nên hết lòng kính trọng và thờ

làm thầy. Ngài thị-tịch một cách rất an nhiên tự-tại, vào năm 826 Tây lịch, sau khi truyền tâm ấn cho Ngài Cảm-Thành thiên-sư

Ngài Cảm-Thành thiên-sư lại truyền tâm-ấn cho Ngài Thiện-Hội và gây thành một truyền thống cho phái Vô-Ngôn-Thông (Chúng ta sẽ học tiếp trong các đời vua sau).

Tóm lại, trong khoảng thời gian gần bốn trăm năm, từ đời Hậu Lý Nam-Đế (571-602) cho đến hết thời kỳ Bắc thuộc lần thứ ba (603-939), sự truyền giáo ở Việt-Nam có thể chia làm ba giai đoạn: giai đoạn thứ nhất, do công đức của phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi; giai đoạn thứ hai, do các đoàn truyền giáo Trung Hoa và Việt-Nam, và sự khuyến khích ủng hộ của các đời vua Tùy và Đường; giai đoạn thứ ba, do phái Vô-Ngôn-Thông.

III.- Phật Giáo Dưới Thời Đinh Và Tiền Lê (968-1009)

1.- Tình trạng tổng quát của Phật Giáo trong hai đời Đinh, Lê:

Trong hai đời vua này, đạo Phật được tiến phát rất nhiều. Có thể nói Đạo Phật trở thành độc tôn. Tất cả văn hóa, chính trị trong nước, một phần lớn đều thuộc về tăng-sĩ, cho nên Đạo Phật được phổ biến dễ dàng trong quần chúng. Mặc dù Nho-giáo và Lão giáo đã truyền vào từ lâu, nhưng không làm sao có uy thế được như Phật Giáo. Trong triều chính thì Ngài Ngô-Châu-Lưu làm đến chức Khuông-Việt thái-sư; trong giới tăng-sĩ thì Ngài Trương Ma-Ni làm Tăng-lục đạo sĩ và pháp-sư Đặng Huyền Quang làm Sùng-Chân uy-nghi.

Sau khi nhà Đinh mất ngôi, Lê-Đại-Hành lên kế vị, chóng lại quân nhà Tống (980) và được thắng lợi. Trong giai đoạn này, các vị tăng-sĩ lại được biệt đãi hơn; vua Lê-Đại-Hành thường triệu thỉnh các vị Tăng-thống vào triều để bàn hỏi việc nước và khuyến khích việc truyền bá Phật-pháp.

Đều đáng chú ý trong giai đoạn này là, sau khi đã hòa với nhà Tống, vua Đại-Hành sai sứ sang triều cống nhà Tống và xin thỉnh bộ "Cửu kinh" và "Đại tạng kinh" đem về truyền bá. Đây

là lần đầu tiên nước tăng-sĩ công khai sang thỉnh kinh ở Trung Hoa về.

Một điều đáng ghi nhớ nữa là trong giai đoạn này, trong giới tăng-sĩ có hai vị cao-tăng xuất chúng đã làm vẻ vang cho nước nhà một thời. Đó là Ngài Khuông-Việt thái-sư và Ngài Đỗ-Thuận thiên-sư.

2.-Khuôn việt thái-sư:- Ngài họ Ngô pháp hiệu là Chân-Lưu, quê ở làng Cát-Ly, trụ trì chùa Phật-Đà. Thuở nhỏ Ngài theo học Nho, lớn lên thọ giới ở Vân-phong thiên-sư ở chùa Khai-Quốc. Từ đó Ngài chuyên đọc kinh điển nhà Phật, hiểu được mọi lẽ cốt yếu của Thiên-Tôn, tiếng tăm lừng lẫy trong nước. Năm Ngài 40 tuổi, vua Đinh- tiên- hoàng vời vào hỏi đạo, Ngài ứng đối tinh tường, vua rất mến phục và phong làm Tăng-Thống. Năm sau vua lại phong Ngài làm Khuông-Việt thái-sư (Khuông Việt là người có công giúp đỡ sửa sang người Việt).

Đến đời vua Lê-Đại-Hành, Ngài càng được kính trọng hơn nữa. Bao nhiêu việc quan, việc nước, vua thường triệu Ngài đến hỏi. Ngài ở triều được ít lâu rồi lấy cơ già yếu xin cáo về,

dựng một ngôi chùa ở núi Du-hý. Ở đó, Ngài mở trường dạy học, học trò đến rất đông.

Ngày rằm tháng hai, niên hiệu Thuận-Thiên thứ hai đời nhà Lý, Ngài gọi Đa-Bảo thiền-sư là đệ tử thân tín của Ngài đến, truyền tâm pháp qua bài kệ sau đây, rồi chấp tay an-nhiên thị-tịch.

Nguyên văn

Mộc	trung	nguyên	hữu	hoa,
Nguyên	hỏa	phục	hoàn	sinh,
Nhược	vị	một	vô	hỏa,

Toản toại hà do sinh?

Dịch nghĩa:

Trong	cây	vốn	có	lửa,	
Tia	lửa	mới	sáng	lò,	
Nếu	bảo	cây	không	có	lửa,

Cọ sát sao lại ra?

Ngài thọ được 81 tuổi, và là người thứ tư được truyền tâm pháp của phái Vô-Ngôn-Thông.

3.-Đỗ-Thuận Thiên-sư:

Ngài dòng họ Đỗ, không rõ nguyên quán ở đâu, xuất-gia từ thuở nhỏ, thọ-giới với Long-Thọ Phù-Trì thiên-sư. Khi nhà Tiên Lê mới thành nghiệp, Ngài thường được vời vào triều để bàn luận chính trị và ngoại-giao. Vua Đại-Hành thường gọi là Đỗ pháp-sư, chứ không dám gọi chính tên. Ngài làm thơ rất hay, và thường được cử ra để đối đáp với các sứ-giả Trung Hoa.

Niên hiệu Hung-Thống thứ hai nhà Tiên-Lê, Ngài thị-tịch, thọ được 76 tuổi. Ngài có làm quyển "Bồ Tát hiệu sám-hồi văn", nay truyền lại. Ngài là đời pháp truyền-thống thứ mười của phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi.

4.- Nhận xét chung về Phật Giáo trong giai đoạn này:

Phật Giáo đời Đinh-Tiên-Hoàng và Tiên-Lê, sở dĩ được ưu đãi và giữ địa vị độc-tôn, vì những lý do sau đây: các vị tăng-sĩ phần nhiều là những xvi bác học thâm Nho. Chử Nho mặc dù trước đó đã được đem dạy ở đất Việt, nhưng vì chưa có khoa thi cử, nên ít người theo học. Chỉ có các vị thiên-sư, vì cần nghiên cứu Phật Giáo qua kinh điển bằng chữ Hán, nên phỉ học

nho nhiều. Những vị sư lúc bấy giờ, vừa túc Nho, vừa hiểu đạo lý mà vừa có đức hạnh, thì lẽ dĩ nhiên trong triều được vua trọng vọng, ngoài dân chúng được kính nể. Đạo Phật được thanh hành trong giai đoạn này cũng không có gì đáng ngạc nhiên.

IV.- Phật Giáo Dưới Thời Nhà Lý (1010-1225).

1.- Dưới đời Lý-Thái-Tổ:

a.-Vua Lý-Thái-Tổ và tình hình Phật Giáo dưới đời này (1010-1028).

Vua Lý- Thái Tổ tên húy là Lý-Công-Uẩn ,con nuôi của sư Lý -Khánh- Vân ở chùa cổ pháp, thọ giáo với Ngài Vạn Hạnh- Thiên- Sư .Sau khi vua Lê Ngọa-Triều mất, Ngài mới lên ngôi kế vị,lây hiệu Thuận -Thiên đóng đô ở Thăng Long(Hà Nội). Lý-Thái -Tổ là một Phật tử thuần thành, nên sau khi lên ngôi, Ngài hết sức chú trọng đến sự truyền -bá Phật Giáo.Ngài đã dựng rất nhiều ngôi chùa và độ rất nhiều tăng chúng .Đáng chú ý hơn cả là năm 1019, Ngài sai sứ thân sang Trung Hoathỉnh kinh đem về để tại kinh viện Đại-Hung.

Triều đại này có thể nói là triều đại mà Phật Giáo được thịnh đạt nhất. Các vị thiền sư lúc bấy giờ như Ngài Vạn-Hạnh, Đa-Bảo, Sùng-Phạm thiền- sư đều là những bậc danh tăng mà nhà vua rất tín trọng. Cho nên sự truyền giáo của các Ngài rất dễ dàng có hiệu quả. Những vị danh tăng này đều ở hai phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi và Vô-Ngôn-Thông cả.

b) Vạn- Hạnh Thiền-Sư:

Ngài họ Nguyễn, không rõ tên húy là gì, người làng Cổ-Pháp. Gia -đình Ngài đời đời thờ Phật, Ngài thông minh xuất chúng từ thuở nhỏ, học hết tam giáo và tinh thông về giáo lý nhà Phật. Năm 20 tuổi Ngài xuất- gia, theo học với Ngài Thiên-Ông đạo giả, tức là vị thứ hai được truyền tâm pháp của phái Tỳ -Ni- Đa-Lưu -Chi . Ngài chuyên tập pháp "Tổng-trì -tam-ma -địa". Người đời thường xem câu nói của Ngài như những câu sấm. Trong thời vua Đại-Hành còn sống, Ngài được vời vào triều hỏi việc quan.

Năm Thuận-Thiên thứ IX (1018) Ngài không đau ốm gì mà tịch. Thi hài Ngài được triều đình

và các đệ tử của Ngài hỏa táng và thờ ở trong tháp. Trước khi tịch Ngài có làm bài kệ như sau:

Nguyên văn:

Thân như điện ảnh hữu toàn vô.
Vạn một xuân vinh thu tựu khô.
Nhậm vận thịnh suy vô bổ úy.
Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Dịch nghĩa: Thân như bông chớp chiều tà.

Cỏ xuân tươi tốt, thu qua rụng rời.
Sá chi suy thịnh việc đời.
Thịnh suy như hạt sương rơi đầu cành.

2.- Dưới đời Lý Thái Tông (1028-1054):

a.-Tình hình Phật Giáo dưới đời vua này:

Lý Thái Tông nối ngôi Thái Tổ, lấy niên hiệu Thiên Thành. Ngài cũng là người rất sùng mộ đạo Phật. Sau khi đánh dẹp giặc chiêm ở đất Hoàng Châu (nghệ An) về, Thái Tông sắc lập 95 ngôi chùa cử lễ khánh thành, hạ chiếu miễn thuế cho dân trong nước một năm. Đến năm 1034, Thái Tông đổi niên hiệu là Thông Thụy, lúc bấy giờ nước Việt-Nam được nhà Tống ban Đại

tặng kinh và tự sai sứ thỉnh qua nước ta. Hành động ấy gây một ảnh hưởng khả quan cho Phật Giáo nước nhà, và một vinh dự cho triều đình nhà Lý lúc bấy giờ.

Từ lúc nhận lãnh Đại tạng kinh của nhà Tống, vua Thái Tôn thường đến nghe kinh và hỏi đạo với Ngài Thiên Lão thiền sư và tự xưng là đệ tử. Về sau vua được Ngài Thiên Lão truyền tâm pháp là người thứ bảy trong đời truyền thống của phái Vô Ngôn Thông.

Dưới đời này có nhiều vị cao tăng rất có công trong sự truyền bá chính pháp, như ngài Huệ Linh thiền sư, Định Lương trưởng lão, Thiên Lão thiền sư v.v.. .

b.-Huệ Linh thiền sư:

Ngài họ Lâm, tên tục là khu, quê ở Đông phù liệt , nguyên là con cháu Lâm Phú ở Trà Sơn (Hà Đông bây giờ). Ngài có tướng mạo hôi ngô, ăn nói lưu loát, từ nhỏ đã nổi tiếng văn hay chữ tốt. Những khi họ nho còn thừa thời giờ, ngài lại nghiên cứu kinh Phật. Gần 70 tuổi Ngài theo học đạo với Ngài Định Huệ thiền-sư . từ đó sự tu học của Ngài càng ngày càng tiến. Khi được

sư phụ truyền tâm pháp cho, Ngài mới đi hành hóa khắp chốn rừng lâm, rồi đến núi Bồ đề. Mỗi lần Ngài ngồi nhập định ít nhất cũng năm bảy ngày. Người đời bấy giờ thường gọi Ngài là ông "Phật sống". Nhà vua cho người đi thỉnh Ngài nhiều phen, Ngài mới chịu về triều. Sau khi đàm đạo vua rất kính phục và phong Ngài làm chức Nội cung phụ táng và truyền sắc ở chùa Vạn Tuệ gần thành Thăng Long. Một hôm trong đại hội có thuật việc chay đãi các tăng sĩ, vua hỏi:

- Đối với tâm nguyện của Phật, các học giả thường cãi nhau. Trẫm muốn các bậc thượng đức ở đây, bày tỏ chỗ sở đắc, để Trẫm được biết sự học vấn của các Ngài như thế nào?

Huệ Linh Thiên sư liền ứng khẩu bài kệ sau đây:

Nguyên văn:

Pháp	bổn	như	vô	Pháp
Phi	hữu	diệc	phi	không
Nhược	nhơn	tri	thử	pháp
Chúng	sinh	giữ	Phật	đồng
Tịch	tịch	Lãng	Già	nguyệt
Không	không	độ	hải	châu

Tri không không giác hữu
Tam muội nhậm thông châu.

Dịch nghĩa:

Pháp	vốn	như	không	pháp
Chẳng	có	cũng	chẳng	không
Nếu	hiểu	được	pháp	ấy
Chúng	sinh	Phật	vẫn	đồng
Trắng	Lãng	Già	phẳng	lặng
Thuyền	Bát	Nhã	chơn	không
Biết	không	rồi	biết	có

Tam muội mặc dung thông.

Nghe bài kệ , vua rất lấy làm mến phục. Thời ấy các vị vương công trong triều và sĩ thứ nhiều người đến hỏi đạo lý và đều tôn Ngài là thầy.

Sang đời thánh Tôn, Ngài được phong làm Tạ Nhai Tăng đô thống đến năm Gia Khánh thứ năm (1063) Ngài tịch. Ngài có soạn mấy cuốn: "pháp sự trai nghi, đạo tràng khánh tân văn" nhưng đều thất truyền.

c.-Thiên-lão thiên-sư:

Ngài trụ trì tại chùa Trùng-Minh huyện Tiên-du, đệ-tử của Đa Bảo thiên-sư. Sau khi học đã

đắc đạo, Ngài về ngôi chùa vùng Từ-Sơn, danh tiếng lừng lẫy, học trò đông đến nghìn người. Chỗ ở của Ngài thành Đại-Tông-Lâm.

Trong khoảng niên hiệu Thông-Thụy (1034-1038) vua Lý-Thái-Tôn nhưn một hôm đến thăm và hỏi Ngài:

Hòa Thượng tới ở chùa này bao lâu?

Vị thiên-sư đọc hai câu rằng:

Nguyên văn:

Đản tri kim nhật nguyệt
Thùy thức cự xuân thu

Dịch nghĩa:

Sống ngày nay biết ngày nay
Còn xuân thu trước, ai hay làm gì?

Vua lại hỏi: Ngày thường Hòa-Thượng thường làm việc gì?

Ngài lại đọc:

Nguyên văn:

Túy trúc huỳnh hoa phi ngoại cảnh
Bạch vân Minh nguyệt lộ toàn chân

Dịch nghĩa:

Trúc biếc hoa vàng đầu cảnh khác
Trăng trong, mây bạc hiện toàn chân.

Sau khi về cung, vua định sai sứ rước Ngài vào triều để thỉnh làm cố vấn. Sứ giả đến nơi thì Ngài đã tịch rồi.

3.-Dưới đời Lý-Thánh-Tôn (1054-1075)

a).- Tình hình Phật Giáo trong đời này:

Thánh-Tôn lên ngôi, đổi quốc hiệu là Đại Việt và lấy niên hiệu là Long-Thụy-Thái-Bình. Ngài là một ông vua rất sùng mộ Đạo Phật. Năm Long-Thụy thứ năm (1059), Ngài xuống sắc lệnh dựng chùa xây tháp và đúc quả chuông trọng lượng 12.000 cân đồng, tại làng Bảo Thiên thuộc tỉnh Hà Nội. Quả chuông ấy hiện nay vẫn còn.

Trong thời đại này, phái Thảo Đường xuất hiện ở Việt-Nam, do Ngài Thảo-Đường, đệ tử Ngài Tuyết-Đậu Minh-Giáp bên Tàu truyền sang. Vua Lý-Thánh-Tôn thọ giáo với Ngài, sau được truyền trong pháp làm đệ tử đầu tiên của

Ngài Thảo-Đường. Phái Thảo-Đường tức là phái Thiên-Tôn là phái thứ ba ở nước ta vậy.

Lý-Thánh-Tôn là một tăng-sĩ được quyền truyền tâm pháp thì chắc chắn Đạo Phật lúc bấy giờ rất được phát đạt và có ảnh hưởng lớn lao trong dân chúng lắm.

b.-Phái Thảo-Đường:

Năm 1069 vua Lý-Thánh-Tôn đi đánh chiến thành, bắt được vua Chiêm-Thành là Chế-Củ và nhiều dân, quân về làm tù binh. Những tù binh này, vua ban cho các quan trong triều làm hầu hạ. Trong số các quan trong triều, có một vị Tăng-Lục. Một hôm, vị Tăng ấy đi vắng, về bỗng thấy "Ngũ lục" của mình bị một tù nhân sửa chữa lại cả. Vị Tăng Lục thất kinh, đem về tâu với vua. Vua cho đòi tên tù nhân ấy hỏi, thì y ứng đối rất thông suốt, luận về kinh Phật rất sáng đáng. Hỏi ra mới biết đó là một vị Thiên-sư người Trung Hoa, theo thầy qua Chiêm-Thành, rồi bị bắt làm tù binh. Vị Thiên-sư ấy tức là Ngài Thảo-Đường.

3.- Dưới đời Lý-Nhân-Tôn (1072-1127).

a)- Tình hình Phật Giáo trong thời kỳ này:

Lý-Nhân-Tôn, mặc dù khi lên ngôi Lý-Nhân-Tôn tuổi còn nhỏ mà rất thông minh, anh dũng. Ngài rất hâm mộ Phật Giáo, cho nên ngoài công việc triều chánh ra, Ngài còn để tâm lo truyền bá Phật-pháp. Ngài có đặt một vị quan cao cấp trong nom hết thảy các chùa trong nước. Ngài lại phong cho Khô Đầu thiên-sư làm quốc sư để cố vấn việc quốc chính, nhưng Ngài Khuong-Việt, dưới đời Đinh và Tiên-Lê.

Song song với công việc chấn hưng Phật-pháp của vua, bà Hoàng-Hậu cũng là một tính nữ đặc lực, đã xuất của riêng ra lập hơn trăm ngôi chùa trong nước.

Trong đời này, lại có nhiều bậc thiên-sư lỗi lạc, trước thuật những sách vở làm vẻ vang cho lịch sử Phật Giáo nước nhà như Ngài Viên-Chiếu Thiên-sư, Ngô-Ấn thiên-sư ...

b.- Viên-Chiếu Thiên-sư:

Ngài họ Mai, tên húy là trực, quê ở huyện Long-Đàm, con anh bà Linh-Cảm Thái Hậu (Vợ vua Thái-Tôn). Ngài thông minh từ thừa nhỏ.

Mặc dù con nhà quyền quý, Ngài từ giã gia đình, vào chùa Tiêu-Sơn, xin làm đệ tử Ngài Định-Hương Thiên-sư, nghiên cứu thiên học. Ngài rất am hiểu pháp "Tam quán " trong kinh Viên-Giác, tu đến đắc đạo và được sư phụ truyền tâm ân.

Sau Ngài về Thăng Long, dựng một ngôi chùa ở mé tả kinh thành và trụ trì tại đó. Người bốn phương nghe tiếng xin theo học rất đông.

Ngài có soạn quyển:"Dược sư thập nhị văn", trong ấy bàn giải về 12 điều đại nguyện trong kinh dược sư. Vua Lý-Nhân-Tôn có đưa bản sách ấy cho các sứ thần sang Tàu dâng vua Triết-Tôn nhà Tống. Vua Tống giao sách ấy cho các vị thượng tọa ở chùa Tướng Quốc xem và có chỗ nào đáng sửa thì sửa lại. Các đại sư Tàu xem rồi vá tâu với vua Tống rằng: "Đây là đáng hóa thân đại sĩ ra đời ở phương Nam, giảng giải kinh nghĩa rất tinh vi, bọn phàm tãng chúng tôi đâu dám thêm bớt một chữ nào nữa !".

Vua Tống sắc cho sao lại một bản, còn bản chính thì trả lại cho vua tăng-sĩ với nhiều khen

tặng. Ngài Viên-Chiều tịch năm Quãng-Hựu thứ sáu (1090) thọ 92 tuổi.

Sau đây là bài thơ của Ngài còn truyền lại:

Nguyên văn:

Giốc hưởng tùy phong xuyên trúc đáo
Sơn nham đáo nguyệt quá tường lai
Vũ trích nham hoa thần nữ lệ
Phong xao đỉnh trúc Bá nha cầm.

Dịch nghĩa:

Theo gió tiếng còi luồng bại trúc
Kèm trăng trái núi quá đầu tường
Hoa núi mưa xa thần nữ khóc
Tre xanh gió thổi Bá-Nha đàn.

5.- Dưới đời Lý-Thần-Tôn (1128-1138).

Lý-Nhân-Tôn không có con, lập con của hoàng đệ là Súng-Hiền-Hầu lên làm Thái Tử, sau lên ngôi tức là Thần-Tôn. Năm Thiên Chương Bảo Tự thứ tư (1136) vua mắc bệnh nặng, nhờ có Minh-Không Thiên-sư chữa khỏi, nên vua phong cho thiên-sư làm quốc sư và sắc lập chùa Linh-Cảm.

Trong đời này cũng có nhiều vị danh tăng như Minh-Không-Huyền Sư, Thông-Biện Thiên-sư, Bảo-Giám Thiên-sư và đặc biệt có một sư ni, con gái một vị hoàng thân, tức là bà Diệu-Nhân. Vị sư ni này thọ giới với Chân-Không Thiên-sư, và là vị ni đầu tiên trong phái Tỳ-Ni-Đa-Lưu-Chi. Ngoài ra, trong thời này cũng có nhiều vị cao tăng trong phái Vô-Ngôn-Thông, Thảo-Đường mở đạo tràng dạy đệ tử hoặc đi hành hóa, dùng pháp thuật cứu giúp kẻ bệnh tật rất nhiều.

6.- Dưới đời các vị vua cuối đời nhà Lý: Lý-Anh-Tôn (1138-1175), Lý-Cao-Tôn (1176-1210), Lý-Huệ-Tôn (1211-1225).

a).- Lý-Anh-Tôn và thời đại này:

Thần Tôn mất, thái tử Thiên-Tộ lên làm vua lấy đế hiệu là Anh-Tôn. Anh-Tôn là đệ tử của Thiên-sư (phái Thảo-Đường) và được truyền tâm pháp, tức là vị đệ tử thứ tư nối truyền thống của phái Thảo-Đường.

Những vị Thiên-sư có tiếng trong đời này là: Trí-Thuyền, Am-Trí, Bảo-Giám, Viên-Thông Thiên-sư. Ngài Viên-Thông Thiên-sư được

phong làm quốc sư vào năm 1143, tịch năm 1151, thọ 72 tuổi. Ngài có trước tác những bộ sách hiện còn lưu lại:

- Chư Phật tích dư sự (30 chương).
- Hồng chung văn bi ký Tăng già tạp lục (50 chương).
- 1000 bài thơ

b.-Lý Cao Tôn và thời đại này:

Anh-Tôn mất, Thái tử Long-Cán nối ngôi, hiệu là Cao-Tôn. Cao-Tôn lên ngôi mới ba tuổi, công việc trong triều giao trong tay quan phụ chánh Hồ-Hiến-Hành. Cao-Tôn lớn lên thụ giáo với Ngài Trương-Tam-Tạng Thiên-sư trong phái Thảo-Đường.

Trong đời này, tuy vua chúa, các bà cung phi và triều đình (như thái úy Tô-Hiến-Thành, thái bảo Ngô-Hòa-Nghĩa) đều sùng mộ Đạo Phật, nhưng sự phát-triển không có gì đặc sắc đáng kể. Vận nước đang xuống, và Phật Giáo cũng xuôi theo đà.

c) Lý-Huệ-Tôn với thời đại này:- Thái tử Sam nối ngôi Cao-Tôn, tức là Huệ-Tôn. Nhà Lý đến giai đoạn này, đã suy lắm. Trong triều thì nổi loạn, vua không có thực quyền, ngoài dân gian cũng không được yên ổn. Do đó, Phật Giáo cũng bị ảnh hưởng theo.

Năm 1224, Huệ-Tôn chán ngán cái đời làm vua, truyền ngôi cho con gái mới 7 tuổi là công chúa Phật-Kim, tức Lý-Chiêu-Hòa, rồi xuất gia ở chùa Chân-giáo, tự xưng là Huệ-Quang Đại-Sư.

Lý-Chiêu-Hoàng truyền ngôi cho chồng là Trần-Cảnh. Nhà Lý chấm dứt từ đây !.

7.- Nhận xét chung về Phật Giáo đời nhà Lý.

Nếu ở Trung Hoa, đời Đường là đời Phật Giáo thịnh hành nhất, thì ở Việt-Nam đời Lý là đời Phật Giáo được thịnh hành nhất.

Trong hơn hai trăm năm, Đạo Phật giữ địa vị độc tôn về mọi phương diện: Đạo đức, văn học, chánh trị, ngoại giao. Tám đời vua nhà Lý đều sùng một Đạo Phật và có nhiều vị đã xuất gia

đắc đạo. Các vị Tăng trong đời vua ấy là những cao Tăng, Đại đức, thông thái và giữ nhiều địa vị quan trọng trong triều đình. Không những thế, các Ngài còn là những thi sĩ lỗi lạc, những nhà ngoại giao tài tình và những nhà mô phạm uyên bác. Các Ngài đã tận tụy đem cái sơ học, sở đắc của mình nhập thế cứu đời, gây uy tín rất lớn cho Đạo Phật. Chính các Ngài đã gián tiếp cải chính một cách hùng hồn bằng những hành động của mình rằng: Đạo Phật không phải là yêm thế, nhu nhược mà chính là tích cực, dũng mãnh cứu đời và đã góp công rất lớn trong công cuộc dựng nước và an dân. Đọc lịch sử Phật Giáo nước nhà đến đoạn này, chúng tăng-sĩ thật vô cùng phấn khởi và càng thêm tin tưởng vào sứ mệnh cứu đời của Phật Giáo.



Bài Thứ 4

Lịch Sử Phật Giáo Việt Nam

(Từ Nhà Trần Đến Các Vị Vua Đầu Nhà Nguyễn)

V.- Phật Giáo Dưới Thời Nhà Trần (1225-1400).

1.-Tình hình chung của Phật Giáo dưới đời nhà Trần:

Nhà Trần nối nghiệp nhà Lý, thừa hưởng về mọi phương-diện , một di sản quý báu mà nhà Lý đã xây dựng trên hai thế kỷ. Riêng về Phật Giáo, mặc dù về cuối đời nhà Lý, triều đình gặp nhiều vụ nội biến và trong phái thiên môn, ít có được những vị cao-Tăng đại-đức như ở đầu đời Lý; nhưng trong dân chúng, Đạo Phật đã thấm nhuần sâu xa, đâu đâu cũng có chùa, có tượng Phật để tín đồ sùng bái. Bước sang đầu đời nhà Trần, có nhiều lý do khiến chúng ta tin-tưởng rằng Đạo Phật sẽ được phát-triển mạnh thêm, nhất là các vị vua đầu nhà Trần là những vị vua thông hiểu và sùng mộ Phật Giáo còn hơn cả những vị vua đầu nhà Lý. Thế mà Đạo Phật

trong đời nhà Trần, chỉ thịnh phát trong khoảng 50 năm đầu, rồi dừng lại và thoái bộ mãi. Vì hai lý do làm cho Đạo Phật không thể tiến phát được là ở bên ngoài, sự cạnh tranh ráo riết, có nhiều khi là cả một sự đàn áp của Khổng-Giáo; và ở bên trong, giáo lý Đạo Phật dần dần bị xen lẫn mê tín, dị đoan của những tà giáo, ngoại đạo mà các vua chúa trong đời nhà Trần rất sùng mộ. Vì những sự mê-tín, dị-đoan này, Đạo Phật trước con mắt những nhà thức giả, nhất là phía Khổng-Giáo, trở thành một cái đạo vô bổ, nguy hiểm cho đời sống quốc gia. Các nhà nho đua nhau công kích Phật Giáo. Triều đình mở những kỳ khảo hạng tăng-sĩ về những giáo-lý thông thường. Những vị sư nào thi hỏng thì phải hoàn tục. Những người thi đỗ thì được bổ làm chức Triều-cung (coi việc các cung), Triều-quan (coi việc các đền), Triều-tự (coi việc các chùa). Thật là một hiện tượng suy đồi rõ rệt: các tăng-sĩ phải đi thi để giữ chức coi việc cúng bái ở các cung vua và các đền miếu. Mĩa mai cay độc hơn nữa, là trong đời vua Phế-Đế (1381) tăng-chúng của đạo từ bi lại bị triệu tập làm thành một đạo binh dưới sự thống lĩnh của một vị Thiên-sư để đi đánh giặc Chiêm-Thành.

2.- Các vị vua nhà Trần có công với sự truyền bá Phật-Pháp :

Như đoạn trên đã nói, trong đầu đời nhà Trần, có nhiều vị vua rất sùng mộ Phật-Pháp và đã có công lớn đối với việc truyền bá Đạo Phật trong nước.

a). Vua Trần-Thái-Tôn (1225-1258):

Trần-Thái-Tôn tên húy là Trần-Cảnh, chồng bà Lý-Chiêu-Hoàng. Sau khi được vợ nhường ngôi, Trần-Thái-Tôn trở thành vị vua khai nguyên đời Trần. Ngài là một vị quốc vương hiếu đạo rất sâu xa. Khi mới lên ngôi, Ngài đã lo việc truyền bá Đạo Phật bằng cách lập chùa, đúc chuông và hộ trì Phật, Pháp, Tăng. Ngài lại còn soạn được hai tập sách rất có giá trị và gây ảnh hưởng quý báu cho việc truyền bá Phật-Pháp thời bấy giờ, là quyển: "Thiền-tôn chỉ Nam" và quyển "Khóa hư". Tập Thiền-tôn chỉ Nam nói rõ về đạo lý tu thiền; còn tập Khóa-hư giải rõ hành-tướng của cái khổ: sanh, lão, bệnh, tử. Hai tập ấy, ngày nay vẫn còn lưu truyền.

b). Vua Trần-Nhân-Tôn (1278-1293):

Trần-Nhân-Tôn là vị vua thứ ba đời Trần. Sau khi đã đánh bại quân Mông-Cổ một cách oai hùng, Ngài truyền ngôi lại cho con và vào tu ở núi Yên-Tử. Ngài thương đi khắp đó đây để bài trừ những hành thức mê-tín dị-đoan trong dân gian, thiết lập tu-viện, thuyết pháp-độ-sanh, mở rộng những trạm phát thuốc để cứu giúp người tật bệnh. Sau Ngài truyền pháp lại cho Tôn-Giả Pháp-Hoa và tịch ở am Ngọc-Vân trong lúc đang đi du hóa. Ngài chính là sư-tổ phái Trúc-Lâm.

c). Trần-Anh-Tôn (1293-1314):

Trần-Anh-Tôn là vị vua thứ tư của nhà Trần, kế vị vua Trần-Nhân-Tôn. Ngài là đệ tử của Pháp-Loa tôn-sư, nên rất tinh thông về Phật-pháp. Noi gương phụ vương là vua Trần-Nhân-Tôn, Ngài đã hăng hái truyền bá Phật Giáo trong nước.

Sau khi thỉnh được đại tạng kinh ở Trung Hoa về, Ngài sắc in nhiều bản và phát cho Hoàng-Trần-Nhân-Tôn, Ngài lại còn tuyền thiết những đàn tràng lớn để hành lễ và phát chẩn cho dân nghèo.

Tuy vậy, đến đời Anh-Tôn, Đạo Phật không còn giữ được cái swcs-thái rục-rỡ như đầu đời Trần nữa. Sau đời vua này, các vị vua kế vị tuy vẫn là những Phật tử, nhưng không còn được lòng tin sáng suốt và thuần túy nữa. Ngoại đạo, tà-giáo từ Trung Hoa truyền sang đã xen lán trong niềm tin của họ.

3.- Phái Trúc-Lâm Yên-Tử và các vị tổ trong phái ấy: Trong đời Trần, các vị danh tăng không được đông đảo như ở đời Lý. Tuy thế, trong đời nay Phật Giáo Việt-Nam cũng đã phát-triển được một tôn phái mới là Trúc-Lâm, phát tích từ nước Yên-Tử, và các vị tổ trong phái này cũng là những bậc cao Tăng mà đời sau không thể nhớ được, mỗi khi nói đến Đạo Phật về đời Trần. Sau đây chúng tăng-sĩ hãy tìm biết qua tiểu-sử và nghiệp-sự của các vị ấy:

a). Tuệ-trung Thượng-Sĩ:

Ngài húy là Trần-Quốc-Toản, con trai của Hưng-Đạo-Vương Trần-Quốc-Tuấn khi giặc Nguyên (Mông-Cổ) hai lần sang đánh chiếm nước ta, Ngài theo Hưng-Đạo-Vương đi chống giặc, lập được nhiều chiến-công và được phong

đến chức Tiết-Độ-Sứ. Ngài có lòng mộ đạo từ nhỏ, nhưng vì gặp lúc quốc biến, Ngài phải ra tay phò vua, giúp nước. Khi giặc yên, Ngài xin từ chức lui về Phong-Áp là Vạn-niên-hương, chuyên tâm học đạo với Tiêu-Giáo thiên-sư, là một đệ tử cuối cùng của phái Vô-Ngôn-Thông.

Khi ngộ đạo, Ngài thường lập đàn giảng đạo, các môn đồ thiện-tín đến dự thính rất đông.

Vua Thánh-Tôn rất kính trọng Ngài, tứ hiệu Ngài là "Tuệ-Trung Thượng-sĩ" và ký thác vua Trần-Nhân-Tôn cho Ngài. Ngài hết lòng dạy bảo Thánh-tôn về phần đạo lý và sau này Nhân-Tôn lập ra phái Trúc-Lâm và trở thành đệ nhất tổ của phái này, cũng là nhờ ảnh hưởng tinh thần của Tuệ-Trung Thượng-sĩ.

Khi gần hóa, Ngài khiến người nhà kê ghế giữa căn nhà trống, ngồi tựa vào ghế mà tịch. Các nàng hầu khóc lên, Ngài liền mở mắt ra quở rắng:

Sanh tử lẽ thường, có gì đáng thương xót mà làm nhiều tâm hồn tăng-sĩ thế?

Các nàng hầu im bật; Ngài lại nhắm mắt mà tịch. Ngài thọ 62 tuổi.

b). Trần-Nhân-tôn, đệ nhất tổ của phái Trúc-Lâm Yên-Tử (đã nói ở đoạn trên rồi).

c). Pháp-loan tôn-sư, vị tổ thứ hai của phái Trúc-Lâm:

Ngài họ Đồng, người hàng Cửu-la, Phủ nam sách (nay thuộc tỉnh Hải Dương), Ngài thiên tư đỉnh ngộ, năm 21 tuổi gặp Ngài Điều-Ngự (tức là vua Nhân-Tôn) khen có pháp nhãn, và được thân làm đệ tử. Ngài ngộ đạo rất sớm. Năm 25 tuổi Ngài phụng mệnh làm lễ khai giảng ở chùa Siêu-Loại, có vua và đình-thần đến dự. Sau buổi khai-giảng ấy, Ngài Điều-Ngự phong cho Ngài làm chủ sơn môn Yên-Tử và đem kinh điển hơn hai trăm bộ giao phó cho Ngài.

Ngài phụng chiếu, định chức các tăng-đồ và quản-lãnh tăng-chúng. Tăng-đồ có Tăng-tịch, sổ sách rõ ràng là bắt đầu từ đó. Trong một đời, Ngài đúc được 1300 tượng Phật, dựng hai đài giảng đạo, năm ngôi tháp, hai trăm sở tăng đường, độ cho hơn 15.000 tang ni, trong số ấy có 3.000 người được đắc pháp. Ngoài ra, Ngài

còn soạn hai tập "Đoạn sách lục " và "Tham thiên yếu chi", nay còn lưu truyền. Công nghiệp lớn lao như thế, nhưng tiếc thay đời Ngài lại rất ngắn ngủi, hưởng thọ 47 năm.

d). Huyền-Quang Tôn -Sur, vị tổ thứ ba của phái Trúc-Lâm.

Ngài họ Lý, người làng Vạn-Tài (thuộc tỉnh Bắc-Giang bây giờ), cha là Tuệ-Tổ, có công đánh Chiêm-Thành, nhưng không chịu ra làm quan. Ngài hình dung kỳ-dị, nhưng bẩm tánh thông minh, đỗ trạng nguyên vào lúc 20 tuổi. Trước khi thi đỗ, mẹ Ngài đi hỏi vợ cho Ngài, nhưng đến đâu cũng bị từ chối, vì hình dung kỳ-dị của Ngài, và sự nghèo hèn của gia đình Ngài. Nhưng khi Ngài thi đỗ, các nhà phú quý tranh nhau gọi gả con gái, và vua cũng đòi gả công chúa cho, nhưng Ngài đều từ chối. Do đó, người đời có câu ca dao:

"Khó khăn thì chẳng ai nhìn,

đến khi đỗ Trạng, tám nghìn quân duyên" .

Vì thấy nhân tình thế thái như thế, nên mặc dù làm quan lớn và được đi sứ sang Trung Hoa,

Ngài vẫn không lấy thế làm mãn nguyện. Một hôm nhân đi theo vua Anh-Tôn nghe Pháp-Loa Tôn-sư thuyết pháp, Ngài liền giác ngộ nên dâng biểu xin từ chức, rồi xuất gia thọ giáo với Ngài Pháp-Loa.

Sau khi được Ngài Pháp-Loa truyền tâm ấn, Ngài trụ trì ở chùa Vân-Yên núi Yên-Tử, tăng ni theo học có đến hàng nghìn. Ngài lập chùa, in kinh, mở pháp-hội bố thí cho kẻ nghèo, làm rất nhiều việc công đức.

Ba vị tổ Trúc-Lâm trên đây đã gây tạo một uy-thế rất lớn, không những trong giới tăng-già mà còn cả ngoài nhân gian nữa, nhưng sau đó rất tiếc là những vị kế nghiệp ba Ngài không có ai tương xứng nữa.

Tóm lại, trong đời Trần, cũng như đời Lý, lịch sử Phật Giáo có thể chia làm hai thời kỳ phồn-thịnh gồm trong bốn vị vua đầu (gần 100 năm); thời kỳ thứ hai là thời kỳ suy-vi, gồm các đời vua sau (trong khoảng 80 năm).

VI.- Phật Giáo Dưới Đời Nhà Hồ (1400-1407) Và Dưới Đời Hậu Lê (1428-1527)

Phật Giáo dần dần suy sụp từ dưới đời các vua cuối nhà Trần, sang nhà Hồ và kéo dài cho đến cuối đời Hậu Lê. Trên gần hai ngàn năm Phật Giáo có mặt trên đất nước này, có thể nói giai đoạn này là giai đoạn tối tăm nhất của Phật Giáo.

Trong 7 năm cướp đoạt ngôi nhà Trần, Hồ Quý Ly chưa làm gì được thì nhà Minh oợn có khôi phục nhà Trần, kéo quân sang đánh nước, và đặt nền đô hộ khốc liệt trong bảy năm trời, bảy năm tuy ngắn ngủi, nhưng nhà Minh đã để lại mmột hậu quả rất tai hại mà 100 năm sau vẫn chưa xóa nhòa hết. Thật vậy, sau khi xâm chiếm nước ta Nhà Minh tịch thu hết cả sách vở trong nước, trong ấy gồm cả kinh điển nhà Phật, đem về Kim Lăng, và đốt phá nhà chùa rrất nhiều.

Một mặt phá hoại, một mặt nhà Minh cho truyền vào nước ta những hình thức mê tín dị đoan của các đạo Lão và Lạt Ma giáo.

Do đó, Đạo Phật mất hể cả tính thuần túy của các thời đđại trước, vator thành một thứ tôn giáo hỗn tạp, kỳ quái. Phật không ra Phật ma không

ra ma. Thật là một cảnh tiêu tàn hoang phế đã diễn ra trong chốn Thiên môn !

Sang đến thời lê Nho học rất thịnh hành, các sĩ phu đua nhau vào đương khoa cử, miệt mài trong tư tưởng Tống Nho. Giáo-ly nhà Phật không còn làm danh lợi cho ai, nên đã bị bỏ quên. Phê bình tình trạng Phật Giáo trong giai đoạn này, Thường tọa Thích Mật Thể, trong cuốn Việt-Nam Phật Giáo sử lược đã viết rất đúng như sau:

" Việc tu đạo, đối với hạng ít học thì chỉ là một kế quyền nghi tteo hình thức (1); với hạng sĩ phu, thì chỉ là một chỗ để người nào lận đận công danh, chán nản cuộc thế, bất bình với thời đời, nghĩa là chỉ có những người yếm thế mới tìm đến để tiêu dao ngày tháng, mượn cảnh chùa am, tiếng chuông, câu kệ, mà dứt bỏ cuộc ngoài đời, chứ không phải mến hiểu giáo-ly của Phật mà tu hành, rồi mộ đạo, rồi lại đem đạo lý ra mà giác ngộ cho kẻ khác".

Bởi vậy trong thời Hậu Lê có thể nói "thời đại Phật Giáo suy đồi" !

(1) Để khởi nói là một kế sinh nhai.

VII.- Phật Giáo Trong Thời Nam Bắc Phân Tranh (1528-1802)

Nhà Hậu Lê làm Vua đến đời vua Chiêu Tôn, Cung Hoàng (1516-1527) thì bị Mạc Đăng Dung thoán đoạt nhưng những trung thần của Nhà Lê đã chống lại Mạc Đăng Dung và lập triều đình nhà Lê ở Thanh Hóa, Nghệ An. Sau sáu năm chống nhau với nhà Mạc, nhà Lê đã nhờ công lao to lớn củ họ Trịnh mà giành lại Giang Sơn.

Họ Trịnh ỷ mình có nhiều công lao, nắm hết quyền hành ở trong triều, vua Lê chỉ ngồi cho có vị, chỉ không có thực quyền.

Họ Nguyễn, vì không muốn phục tùng họ Trịnh, nên đã lánh vào nam, hùng cứ một phương. Từ đó nước ta phân chia làm hai:

Phía Bắc sông Gianh là giang sơn củ họ Trịnh; Phía Nam sông Gianh là giang sơn củ họ Nguyễn;. Hai họ Trịnh, Nguyễn đều muốn bành trướng thế lực củ mình để diệt trừ đối thủ, nên họ ra công xây dựng phần đất củ mình về mọi phương diện. Về phương diện tôn giáo, hai

bên đều lấy Phật Giáo làm quốc giáo và cùng sốt sắng xây chùa tạo tượng rất nhiều.

Cũng trong giai đoạn này, ở Trung Quốc thường có loạn lạc, và các tôn giáo Phật Giáo thường bị chèn ép của Lạt Ma giáo, nên một số vị cao tăng đã rời quê hương, sang Việt-Nam truyền giáo, người thì vào ở đất Bắc, người thì vào Nam. Nhờ thế, nước ta

Có nhiều tôn phái mới và nhiều vị sư Trung Hoa danh tiếng mà ảnh hưởng còn truyền đến bây giờ.

1.- Phật Giáo trong thời các chúa Trịnh:

Phật Giáo trong thời kỳ này.- Vào khoảng đời vua Lê Thế Tông (1573-1599) ở Bắc có phái Tào Động, cũng là chi phái của phái Bồ Đề Đạt Ma ở bên Tàu. Phái này truyền vào bởi nhà sư Trung Hoa Trí Giáo Nhất Cú. Hiện nay các vị sư trụ trì tại các chùa Hòe Lai, Hàm Long, Trấn Quốc ở Hà Nội là đệ tử của phái Tào Động.

Vào khoảng đời vua Lê Hy Tông (1676-1705) lại có phái Liên Tôn, do một vị vương công họ Trịnh là Lân Giác thiên-sư lập ra ở chùa Liên

Phái (Bạch Mai, Hà Nội). Đồng thời sư Nguyệt Qung cũng lập ra phái ấy ở Kiến An. Hai Ngài Lâm Giác và Nguyệt Quang đều là đệ tử của chi phái Lâm Tế ở Trung Hoa truyền sang. Hiện nay các vị sư trụ trì ở chùa Bà Đá (Hà Nội) là đệ tử của chi Lâm Tế.

Ngoài sự ptr hai phái trên, Phật Giáo ở Bắc lại được chúa Trịnh ủng hộ mạnh: trùng tu yự viện, thỉnh Đại tạng ở Trung Hoa về... Các cao tăng lúc bấy giờ cũng khá đông, danh tiếng nhất là Ngài Hương Hải thiên-sư, mà chúng ta sẽ nói dưới đây:

Hương Hải thiên-sư: -Ngài nguyên trước ở miền Nam, trong phần đất của chúa Nguyễn và là dòng dõi thế phiệt. Thân sinh Ngài là một công thần của chúa Nguyễn. Ngài đỗ Hương Công (cử nhân) lúc 18 tuổi, được tuyển vào làm việc ở phủ chúa Nguyễn rồi được bổ ra làm chi phủ ở Triệu Phong (Quảng Trị ngày nay). Ngài rất hâm mộ đạo Phật và thường đàm luận giáo lý với các vị cao tăng. Đến 28 tuổi Ngài xin từ quan, xuất gia đầu Phật. Ngài ra chơi ở núi Tiêm Bút ngoài Nam Hải, rồi lập am ở lại trụ trì. Đạo hạnh Ngài rất cao, quan đan gần xa đều

cảm mộ. Chúa Nguyễn (Nguyễn Phúc Chu 1691-1715) nghe danh, sai người ra hải đảo mời về, và lập chùa để Ngài trụ trì. Nhưng sau vì sự nghi ngờ của chúa Nguyễn, Ngài bỏ miền Nam, đóng thuyền vượt biển cùng 50 đệ tử ra Bắc và được chúa Trịnh và vua Lê rất mến phục. Vua Lê Vũ Tôn (1706-1726) thường mời Ngài vào cung để hỏi đạo.

Một hôm vua hỏi Ngài:

Trẫm nghe thiên-sư học rộng nhớ nhiều, vậy xin thiên-sư thuyết pháp cho nghe để Trẫm hiểu được Đạo. Ngài nói:

Bản tạng có bốn câu kệ này, xin bệ hạ để tâm suy nghĩ:

Nguyên văn:

Phản văn tự kỷ mỗi thường quan
Thần sát tư duy tử tế khan
Mạc giáo mộng trung tâm tri thức
Tương lai diện thượng đồ sư nhan

Dịch nghĩa:

Nghe lại điều mình thấy những ngày
Suy đi nghĩ lại kỹ càng hay
Chớ tìm triều thức trong cơn mộng
Có thể mới hay nhận được thầy (Đạo)

Vua hỏi:

Thế nào là ý của Phật?

Ngài đáp:

Nguyên văn:

Nhận	quá	trường	không		
Aính	trâm	hàn	thủy		
Nhận	vô	di	tích	chi	ý

Thủy vô lưu ảnh chi tâm.

Dịch nghĩa:

Nhận	liêng	giữa	không	
Bóng	chìm	dưới	nước	
Nhận	không	để	dấu	lại

Nước chẳng lưu bóng làm chi

Ngài thường đọc những câu kệ hay để dạy
tăng chúng, như sau:

Nguyên văn:

Tâm ngu tu phỏng tích
Học đạo quý vô tâm
Tích tại ngu hoàn tại
Vô tâm đạo dị tâm.

Dịch nghĩa:

Tìm trâu, tìm đâu chân
Đâu còn trâu chẳng mất đâu bao giờ
Những người học đạo chớ nhờ
Vô tâm thì đạo cơ sơ để tìm

2.- Phật Giáo trong thời các chúa Nguyễn:

Phật Giáo trong thời kỳ này. -Trong khi Phật Giáo miền ngoài trời dậy, thì Phật Giáo miền trong cũng phát đạt. Từ khi Nguyễn Hoàng vào trấn Thuận Hóa, cho đến khi nhà Nguyễn thống nhất đất nước, trong hơn hai trăm năm, họ Nguyễn đối với Phật Giáo hể lòng sùng thượng, tạc tượng, đúc chuông, lập tự viện rất nhiều, bấy giờ có nhiều vị tăng tử Trung Hoa như Ngài Tế Viên, Ngài Giác Phong .. . ở Trung Hoa sang truyền giáo, trong các vị tăng Trung Hoa, có một vị Thánh tăng mà ảnh hưởng còn truyền lại đến bây giờ là Tô Nguyên Thiều. Riêng các vị tăng Việt-Nam, thời có Ngài Liễu Quán là một

vị tổ đã làm cho Phật Giáo miền Nam thời ấy được vô cùng rục rờ.

b.- Các vị danh tăng:

-Ngài Nguyên Thiều: Ngài họ Tạ, quê ở Trùng Hương (quảng Đông). Xuất gia năm 19 tuổi, Ngài tu ở chùa Bảo Tự, thọ giáo với Ngài Đồi Khảo Khoán Viên Hòa thượng. Niên hiệu Cảnh Trị năm thứ ba đời Lê Huyền Tôn (1665). Ngài đi theo tàu buôn của An Nam, trú ở phủ Quy Ninh (Bình Định) lập chùa Thập Tháp Di Đà, mở trường dạy Phật Pháp, sau ra Thuận Hóa lập chùa Hà Trung, rồi lên Xuân Kinh (Huế) lập chùa Quốc Ân và dựng tháp Phổ Đồng.

Sau Ngài phụng mạng đức Anh Tôn (Nguyễn Phúc Tráng 1687-1691) trở về Trung Quốc, tìm mời các vị danh tăng và cung thỉnh pháp tượng, pháp khí. Ngài về Quảng Đông mời được Hòa Thượng Thạch Liêm và các danh tăng khác, cùng thỉnh được nhiều kinh điển, tượng, pháp khí trở về Nam. Chức Nguyễn liền sắc mở đàn truyền giới rất long trọng tại chùa Thiên Mụ.

Sau đó, chúa Nguyễn sắc ban Ngài chức trụ trì chùa Hà Trung.

Một hôm, Ngài lâm bệnh, hạp môn đò lại dặn dò mọi việc và truyền bài kệ sau đây:

Tịch tịch, kính vô ảnh

Minh minh, châu bát dụng

Dường đường, vật phi vật

Liễu liễu, không vật không

Đại ý: Thể pháp thân thanh tịnh sáng suốt như mảnh gương sạch không bụi, như ngọc minh châu, trong sáng bóng ngời. Tuy hiện tiền sự sự, vật vật sai khác, nhưng đều là thể pháp thân biểu hiện. Thể pháp thân thường vắng lặng mà không phải là không, tức là lý "chân không diệu hữu".

Ngài viết xong bài kệ, ngồi yên lặng mà tịch.

Ngài Liễu Quán: Ngài họ Lê, húy Thiện Diệu, quê ở làng Bạch Mã, huyện Đông Xuân, tỉnh Phú Yên (sông Cầu bây giờ). Ngài mồ côi lúc 6 tuổi, thân sinh Ngài cho Ngài xuất gia và đầu sư với Ngài Tế Viên Hòa Thượng, người Trung

Hoa. Được 7 năm Hòa thượng Viên tịch, Ngài ra Thuận Hóa học với Giác Phong Lão tổ (người Trung Hoa) ở chùa Bảo Quốc. Năm 1691 Ngài trở về cố hương phụng dưỡng cha già, phải đi đốn củi để sinh nhai. Được bốn năm sau khi thân phụ Ngài qua đời, ngài trở ra Thuận Hóa, thọ giới Sa-di với Ngài Thạch Liêm Hòa thượng (cũng người Trung Hoa).

Năm 1699, Ngài đi tham lễ khắp Thiên Lâm để bồi bổ cho sự tu hành. Qua năm 1702, Ngài đến Long Sơn, cầu học pháp tam thiên với Ngài Tử Dung hòa thượng (tổ khai sơn chùa Từ Đàm, Huế).

Về phân hóa đạo, Ngài rất tinh tấn không nề khó nhọc. Luôn luôn Ngài lập đàn truyền giới, tiếp chúng độ tăng. Năm 1740, ngài Tấn Đàn phóng giới, rồi từ đó Ngài trở về núi Thiên Thai, dựng thảo am, ăn náu tu hành, nay tức là chùa Thiên Tôn.

Chúa Nguyễn Minh Vương rất trọng đạo hạnh Ngài, thường mời Ngài vào cung đàm đạo. Mùa xuân năm 1742, Ngài trở lại dự giới đàn ở chùa

Vĩnh Thông, cuối mùa thu ấy, Ngài thọ bệnh, khi sắp lâm sung, Ngài gọi môn đồ lại dạy rằng:

Các người khóc làm gì ! các đức Phật ra đời còn nhập niết bàn, thì ta nay đi đến rõ ràng, về tất có chỗ, các người không nên khóc và đừng nên buồn thảm.

Kể đó, ã Ngài viết bài kệ , từ biệt:

Nguyên văn:

Thất thập dư niên thế -giới trung

Không không, sắc sắc, diệu dung thông

Kim triêu nguyện mãn hoàn gia lý

Hà tất bôn man vấn tổ- tông.

Dịch nghĩa

Ngoài bảy mươi năm trong thế- gian

Không không, sắc sắc thấy dung- thông.

Ngày nay nguyện mãn về nơi củ

Nào phải ân cần hỏi tổ- tông.

Viết xong, ngài bảo môn đồ rằng:

- "Sau khi ta đi, các người phải nghĩ đến cơn vô thường nhanh chóng, cần phải siêng năng tu học, các người hãy cố gắng tới, chớ bỏ quên lời ta".

Đến ngày 22 tháng 11 giữa mùa đông năm Nhâm - tuất (1742) vào giờ mùi, Ngài dùng nước trà xong, vui vẻ từ biệt môn đồ, tiêu - diêu thoát hóa.

Chúa Minh- Vương được tin, liền ban thụy-hiệu là " Đạo Hạnh Thụy Chánh Giác Viên - Ngô Hòa- Thượng".

VII.-Phật Giáo Dưới Đời Các Vị Vua Đầu Triều Nguyễn

Tình trạng Phật Giáo trong giai đoạn này:

Nhà Nguyễn Tây- Sơn, trong một giai đoạn ngắn, đã chấm dứt tình trạng Nam, Bắc phân tranh và thống nhất sơn hà về một mối. Nhưng chẳng bao lâu, Chúa Nguyễn Phúc-Aĩnh diệt được nhà Nguyễn Tây -Sơn, thu hồi lại đất nước và mở đầu cho triều Nguyễn, lấy niên hiệu Gia- Long.

Trong giai đoạn này, nước ta sống trong cảnh chiến- tranh thường trực, ít ai có thì giờ nghĩ đến chuyện chấn - hưng đạo đức tôn- giáo. Một số chùa chiền bị tàn phá, kinh- điển thất - lạc, cảnh hoang tàn thật tiêu điều buồn bã. Vua Gia - Long lên ngôi, công việc trước tiên của Ngài là lập lại nên an- ninh trật - tự trong nước, chứ cũng chưa có thì giờ nghĩ đến chuyện chấn - hưng Phật Giáo. Qua đến đời Minh- Mạng và Thiệu Trị, các Ngài cũng bắt đầu sắc trùng tu những ngôi chùa tổ đình quan trọng , nhưng trong dân gian thì ảnh hưởng đạo Phật mỗi ngày mỗi lu mờ, phai nhạt dần. Các vị cao tăng vẫn có, như Ngài Phổ - Tịnh Hòa - Thượng, Giac Ngộ Hòa - Thượng . Nhưng vì quá ít ỏi, nên quý vị ấy, chẳng khác gì những chiếc sao lẻ tẻ trong bầu trời đen tối, chẳng soi sáng được gì.

Đến khi người Pháp đặt nền đô hộ trên đất nước này, thì đạo Phật lại càng suy đồi, mất hết cả những gì thuần túy, cao siêu, mà chỉ còn như là một thần đạo, mà nhiệm vụ chính là lo việc cúng bái mà thôi.

Để có một ý niệm chung về một sự tòi - tẽ của trong giai đoạn này, chúng tôi xin trích một

đoạn nhận xét rất chính xác sau đây, mà Thượng -Tọa Thích -Mật _thê đã viết trong cuốn Việt - Nam Phật Giáo sử lược:

"..Đến đây,từ vua quan cho đến thứ dân, ai ai cũng an- trí đạo Phật là ở sự cúng cấp, cầu đảo, chứ không biết gì khác nữa. Và phần đông họ chỉ trọng ông thầy ở chỗ danh vọng, chức tước, mặc dù ông ấy thiếu học, thiếu tu. Bởi tệ hại ấy, tăng đồ trong nước lần lầnavào con đường trụy lạc, cờ bạc, rượu chè đăm trước thanh sắc.

"Ở miền trung nguyên Bắc -kỳ,về kỹ- luật tăng già bên ngoài còn giữ được nghiêm chỉnh đôi chút, chứ ở Trung -kỳ, phần nhiều họ đã có vợ, có con một cách công nhiên, không áy náy.Nhất là ở Nam -kỳ lại càng hỗn độn hơn nữa...Phần đông tăng đồ chỉ nghĩ đến danh vọng, chức tước: xin bằng Tăng-cang, Trụ trì, Sắc tứ v.v..hay chỉ biết cúng cấp, cầu đảo , phù chú, làm táy ai cho các vua chúa, quan quyền, phú hộ để làm kế sinh nhai. Còn một hạng nữa, chỉ giữ mình cho được thanh nhàn, ăn chơi tiêu khiển, bảo là giải thoát v.v..!

"Bởi vậy, các cảnh chùa trong nước đã thành cảnh gia đình riêng, không còn gì là tính cách đoàn thể của một tôn giáo nữa. Họ sống trong Phật Giáo hầu hết chỉ còn là "dốt" và "quên"! "Quên" để khỏi phải biết đến bốn phạm bốn phạm chơn chánh của một tăng -đồ.

"Ở trong tăng- đồ thì như vậy, ở ngoài tín- đồ cư- sĩ thì ngư- ngác, mù lòa tin bướng, theo càn, ít ai là người hiểu đạo lý.

"Trong lịch sử Phật Giáo Việt-Nam, ta có thể đánh vào đây một dấu than (!) rất to tướng".

C.-Kết Luận:

Chúng ta đã theo dõi dấu chân của những nhà truyền bá đạo Phật đầu tiên ở trên đất nước này cho đến thời cận đại. Trong gần hai mươi thế kỷ hiện -diện trên dãy đất Việt-Nam này, đạo Phật đã trải qua biết bao cơn thăng trầm, suy thịnh. Những sự biến chuyển ấy, không đơn phương, mà bao giờ cũng đi song song với sự biến chuyển chung của đất nước. Mỗi lần vận nước hưng lên thì đạo Phật cũng phát triển mạnh, mỗi lần vận nước suy nhược, thì đạo Phật cũng thoái trào.

Điều nhận xét thứ hai là những vị anh quân thường thường là những Phật - tử thuần thành, luôn luôn ủng hộ và khuyến khích sự truyền bá Phật Pháp. Trái lại, những vị vua ít hiểu đạo, phá đạo phần nhiều cũng là những vị vua ít thành công nhất trong sự trị nước, an dân.

Do hai nhận xét trên, chúng ta có thể kết luận rằng: Đạo Phật đã mật thiết hòa mình trong cuộc sống của dân - tộc Việt- Nam trong quá khứ. Và từ đây về sau, muốn cho đất nước được an cư lạc nghiệp và có một tương lai rạng rỡ, những nhà lãnh đạo quốc gia phải dành cho đạo Phật một địa vị quan trọng trong mọi sinh hoạt của nước nhà.

Bài Thứ 5

Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo Trên thế-giới và ở Việt-Nam hiện- đại

A.-Mở Đề:

Trong thế kỷ thứ 18 và 19 ở Việt- Nam cũng như ở các nước Phật Giáo khác , sự truyền - bá đạo Phật hình như thiếu một luồng sinh khí mới, nên cứ chìm dần, tương gần như sắp cáo chung.

Nhất là khi Á -đông mới bắt đầu tiếp xúc với cái văn -minh sống -động, rực rỡ của Tây- phương; các dân tộc Á- đông bị" mặc cảm tự ti", cho rằng mình thua sút Tây -phương về mọi phương diện. Do đó, các dân -tộc Á châu, nhất là các dân tộc đông đảo như Ấn Độ, Trung Hoa, đều ruồng rẫy cái gia tài tinh -thần của ông cha, để theo học đòi cái văn minh cơ khí, hùng mạnh của Tâyphương. Đạo Phật, cũng như các tôn giáo khác ở Á -châu, chỉ còn lại hình thức lễ bái cổ truyền, còn lại, còn các phần tinh-hao quý báu của nó bị chôn sâu trong lớp bụi quyền lãng của thời-gian.

Nhưng sau cái chóa mắt của những phút đầu tiếp-xúc với ánh sáng lạ, người Á-Châu nhận thấy văn minh Âu-Tây chưa hẳn đã hoàn thiện. Những nhà tư tưởng, triết-gia, lãnh đạo tôn-giáo đạo đức ...sau khi đã đọc được phương pháp suy luận, phân tách, tìm tòi một cách có khoa học của Tây-phương, đã quay về đào xới, khám phá cái iga-tài tinh thần của ông cha để lại mà họ đã ruồng rẫy. Giúp vào công việc ấy, có những nhà bác-học, khảo-cổ, nhân-chủng-học đã tìm thấy được rất nhiều bằng chứng cụ thể nói lên giá trị

chân-chất của nền văn minh Á-đông mà Đạo Phật đã động lực chính.

Do đó Đạo Phật được đặc-biệt chú ý. Và càng đi sâu vào văn hóa Phật Giáo, người ta (Âu-tây cũng như Á-đông) lại càng ngạc nhiên vì tánh-chất thuần-thiện, cao khiết, trong sáng của nó. Từ đây, một luồng sinh khí mới thổi lên, đem lại cho người tín-đồ Phật Giáo nhiều phấn-khởi và tinh tưởng ở giáo lý cao siêu của Đức Bản Sư Thích-Ca. Luồng sinh-khí trên đã gây được một phong trào chân hưng Phật Giáo, mỗi ngày mỗi lan rộng, ban đầu ở các nước Á-châu, và bây giờ ở khắp năm châu bốn biển. Trong cái bùng dậy chung ấy, tín-đồ Việt-Nam cũng đã đóng góp một các xứng đáng cái phần công đức của mình, và có thể tự hào rằng mình không quên sứ-mạng.

Vậy dưới đây, chúng ta hãy tuần tự điếm qua cái phong trào chân-hưng ấy trên các quốc gia Phật Giáo như thế nào, trước khi nói riêng về phong trào chân-hưng ở Việt-Nam trong hiện tại.

B.- Chánh Đề:

I.- Sự Chấn Hưng Phật Giáo Ở Ấn Độ Và Các nước Thuộc Khu Vực Ảnh Hưởng Ấn

1.- Phật Giáo Ấn Độ .- Như chúng ta đã thấy trong đoạn nói về lịch sử truyền bá đạo Phật tại Ấn Độ ở bài thứ nhất: mặc dù là xứ sở phát nguyên Phật Giáo, Ấn Độ chỉ thấy được cái vẻ huy hoàng của ánh đạo vàng trong 15 thế kỷ đầu. Những thế kỷ về sau, Đức Phật lu mờ dần ở đây và nhường chỗ cho Ba-la-môn giáo và Hồi-giáo để lên tràn ra lân bang.

Vào thế kỷ thứ 18, Đức Phật ở Ấn Độ chỉ còn một vang bóng thời xưa. Nhưng khi người Anh bắt đầu đi sâu trong sự tìm hiểu nền văn hóa Ấn Độ, và ngạc nhiên khi nhận thấy một nền văn chương, triết học thâm thúy của Đạo Phật đã bị chôn vùi trong lãng quên, thì người Anh cũng như người Ấn Độ đều đồng thanh hô hào và cổ xúy sự phục hưng của Phật Giáo.

Trong số những học giả Phật Giáo đầu tiên đã có sáng kiến xây dựng phong trào chấn hưng này, thì ông Ráyendachilala là người có công nhất. tiên sinh đã căn cứ vào 144 loại kinh chữ Phạn ở Népal để viết ra cuốn "Văn chương Phật

Giáo" bằng Phạn ngữ của Népal. Năm 1888, Tiên sinh lại cho xuất bản quyển "Tiểu phẩm Bác-nhã". Năm 1893, ông Sarat Chandrodas, một học giả Ấn Độ khác, lại đề xướng lên hội "Nghiên-cứu Thánh-điển Phật Giáo Ấn Độ và nhân loại học thuật". Chính hội nghiên cứu này đã thu thập được một số đông hội viên thông thái, gồm Ấn Độ lẫn Anh quốc và đã gây nên phong trào tìm hiểu Phật Giáo trong nước và sang đến Anh quốc.

Người có công thứ ba, mà hiện nay Tổng hội Phật Giáo Quốc tế quyết nghị sẽ làm lễ kỷ niệm đệ bách chu niên sanh nhật (17-9-64) khắp nơi trên thế giới là Đại đức Anagarica Dharmapala. Chính Đại đức là người sáng lập ra hội Đại Bồ Đề (Mahabodhi) là một đoàn thể rất có lực lượng trong công cuộc vận động phục hưng Phật Giáo ở Ấn Độ ngày nay. Sáng lập năm 1891, hội này dần dần có chi nhánh ở Âu Mỹ và lãn bang Ấn Độ.

Về công đức của Đại đức Dharmapala quyết nghị của đại hộ Phật Giáo Quốc tế lần thứ VI tại Nam Vang đã ghi như sau:

'Đại đức Anagarica Dharmapala đã tiên phong hướng đạo phục hưng Phật Giáo Ấn Độ, và cũng là vị pháp sư đầu tiên tới thăm các nước Âu Châu và Mỹ Châu. Nhờ con đường mà công trình hoằng pháp mới được vạch rõ tại các nước Âu Mỹ như chúng ta đã nhận thấy ngày nay...'

Đồng thời với sự chấn hưng Phật Giáo ở Ấn Độ trong các nước trước kia chịu ảnh hưởng văn hóa Ấn Độ và nằm trong khối Tiểu-thừa Phật Giáo như Tích Lan, Miến Điện, Thái Lan ...cũng có những luồng sinh khí mới đem lại cho nền Phật Giáo cổ truyền một sắc thái mới mẻ, trong sáng và hùng mạnh.

2.- Phật Giáo Miến Điện. -Hiện nay ở Miến Điện Phật Giáo được xem là quốc giáo. Từ 1948, sau khi thu hồi độc lập, chánh phủ Miến Điện và vị thủ tướng (ông U Nu) là một Phật tử, nhiều kế hoạch dự trù chấn hưng Phật Giáo đã được thực hiện. Chính phủ đã cho xây dựng khắp nơi trong nước nhiều Phật học viện nhiều trường Trung, Đại học Pali, tổ chức những cuộc thi giáo-lý và triệu tập nhiều đại hội Phật Giáo quan trọng .

Năm 1954, đại hội tu chỉnh kinh điển Phật Giáo lần thứ VI được tổ chức tại Miến với sự tham dự của 2500 bậc danh tăng ở các nước Tích Lan, Cam Bốt, Ai Lao, Thái Lan, Ấn Độ, Hôì Quốc...đề tưng diệt lại tất cả những bản kinh Pali. Đây là một công tác trọng đại không riêng gì Phật Giáo Miến Điện mà chung cho Phật Giáo Thế giới.

3.- Phật Giáo Tích lan.Tích lan cũng là một xứ mà Đạo Phật rất thịnh hành. Dân chúng hầu hết là Phật tử. Số tu sĩ trong nước rất đông và có ảnh hưởng rất lớn trong quần chúng cũng như trong chính quyền. Năm năm sau trận chiến Thế giới chấm dứt (1950), chính Tích lan là nước đứng ra triệu tập một đại hội Phật Giáo Thế giới gồm trên 500 đại biểu thuộc 26 quốc gia Phật Giáo tại thủ đô Cô Lôm Bô (Colombo). Chính trong đại hội này, tổng hội Phật Giáo Thế giới được thành lập, và một ban chấp hành đã được bầu cử, mà chủ tịch là một vị học giả Phật tử Tích lan, Bác sỹ Malalasekera.

4.- Phật Giáo Thái Lan.Cũng như Miến Điện, Phật Giáo Thái Lan được xem như quốc giáo, vị Trưởng lão Tăng thống (vua Sãi) là

người cá một ảnh hưởng tinh thần và được tôn trọng hơn cả Quốc Vương.

Hiện nay Thái Lan có phỏng chừng trên 20000 ngôi chùa và 200000 tỳ kheo và Sadi. So với hai mươi triệu dân Thái Lan, thì số tu sĩ như thế cũng là một tỷ lệ rất cao, cứ 100 người dân thì có một tu sĩ

Nhưng cái đà phát-triển vẫn đang còn mạnh, nhiều ngôi chùa đồ sộ đang được xây cất và nhiều thanh niên đang theo tập môn tham thiền trong các thiền viện. Hiện nay, Thủ tướng Thái Lan vừa ra một dự án và đã được toàn thể nội các chấp thuận là thành lập những cơ sở thích đáng dành cho các Tỳ kheo ngoại quốc để họ đủ phương tiện đến tu học Phật pháp.

5.- Phật Giáo Cam Bốt: Phật Giáo Cam Bốt từ xưa đã là môy quốc giáo. Từ kinh đô cho đến thôn xóm hẻo lánh xa xôi, màu vàng của các ngôi chùa và các tấm y của tu sĩ chói rực khắp nơi. Đời sống đạo lý và đời sống thường nhật của dân gian đã ăn nhịp một cách khắn khít. Cũng như ở Miến Điện, ở Thái Lan, ở Cam Bốt cứ mỗi năm vào đầu mùa mưa, các thanh niên

có lệ vào tu ở các ngôi chùa một thời gian, dài hay ngắn tùy thuộc ý nguyện của mình,. Cái tục lệ quý báu này, không chỉ có người thường dân thi hành mà ngay cả các vị vua nữa.

Từ ngày thu hồi độc lập, Chính phủ Cam Bốt đặc biệt chú tâm phát-triển và chấn hưng Phật Giáo.

Theo gót các nước đàn anh Phật Giáo, Cam Bốt cũng vừa tổ chức tại Nam Vang đại hội Phật Giáo Thế giới lần thứ VI và nhiều thành quả tốt đẹp đã thu được trong kỳ đại hội này.

Trên đây là đại khái về phong trào chấn hưng và phát triển Phật Giáo ở các phái theo Tiểu Thừa hay Nam tôn. Tiếp theo đây, chúng ta sẽ nhận xét phong trào chấn hưng và phát triển Phật Giáo ở các nước theo Đại Thừa hay Bắc tôn.

II.- Sự Chấn Hưng Phật Giáo Ở trung Hoa Và các Nước lân Bang:

1.-Phong trào chấn hưng Phật Giáo ở Trung Hoa:

Như chúng ta đã biết, vào cuối đời nhà Thanh, Phật Giáo ở Trung Hoa đã suy đồi rất nhiều: Mê tín dị đoan đã thâm nhập một cách trầm trọng vào các thiền môn. Tăng ni, cũng như tín đồ ít ai hiểu rõ giáo lý cao siêu của đức Phật, nên Phật Giáo cũng bị người ta liệt vào hàng các tà đạo có nguy hại cho đời sống xã hội quốc gia.

Ảnh hưởng của văn minh Tây âu bắc đầu vang dội trong nước. Một phong trào rộng lớn bài trừ mê tín dị đoan nổi dậy trong toàn quốc. Các chùa chiền phần nhiều bị đổi ra làm trường học hoặc các việc công ích xã hội khác !

May sao, một số học giả Trung Hoa có tinh thần quốc gia, nhận thấy phải làm một cuộc thanh lọc trong nền văn minh Đông phương, để chọn những cái hay thì giữ lại, và những cái dở thì bỏ đi. Sau cuộc tìm tòi, tra cứu ấy, các nhà nghiên cứu đồng thanh tán dương giá trị chân chính cao siêu của Phật Giáo.

Từ khi cách mạng Tân Hợi (1912) nổi lên lật đổ nhà Thanh và lập nên Dân quốc, thì phong trào học và nghiên cứu Phật Giáo càng tăng.

Nhờ thế Phật Giáo trở nên thịnh hành và phát triển mạnh.

Trong mấy năm đầu của nền Dân quốc có Ngài Kinh Sơn cùng các đồng chí sa môn và cư sĩ đứng lên sáng lập Trung quốc Phật Giáo Tổng hội. Các cư sĩ ở Thượng Hải cũng lập Phật Giáo cư sĩ lâm, Phật Giáo tịnh nghiệp xã.

Về sau các vị Tăng già và cư sĩ tiếp tục mở ra ở nhiều nơi những Phật học viện, hay những giảng đường như: Giảng đường chùa quán tôn ở Ninh Ba (Chiết Giang) do ngài Đế Nhàn pháp sư chủ giảng; ở vũ xương (Hồ Bắc) có Phật học viện do ngài Thái Hư Pháp sư chủ giảng; ở Giang Tô có Hoa Nghiêm học viện, ở Nam Kinh có Nội học viện do Âu Dương Vĩnh Vô chủ giảng.

Cùng một lần với sự thành lập các Phật học đường nói trên, nhiều tạp chí Phật Giáo của nhóm nghiên cứu đã được xuất bản ở khắp nước để hoằng dương giáo nghĩa như Phật học tùng báo, Hải triều âm, Cư sĩ lâm san, Tịnh nghiệp nguyệt san, Chi na nội học, Oai âm, Vi Diệu Thanh, Phật Giáo Tân văn...

Trong số các vị đề xướng phong trào chấn hưng Phật Giáo ở Trung Hoa, người đã có công đức và ảnh hưởng lớn nhất là Ngài Thái Hư pháp sư. Pháp sư là một vị cao Tăng học rộng, hiểu nhiều và rất hăng hái với các hoàng đế đương chánh pháp. Ngài đã đi giảng về Phật pháp khắp nơi trong nước và sang tận Âu Mỹ để giới thiệu Đại Thừa Phật Giáo cho người Tây Phương. Ngài viết rất nhiều sách nói về đạo Phật và đứng chủ trương từ Hải triều âm là một tạp chí rất có giá trị. Những hoạt động Phật sự của Ngài không những chỉ gây ảnh hưởng lớn lao quý báu cho Phật Giáo Trung Hoa mà còn lan rộng ra các nước lân bang như Việt-Nam, Nhật Bản và sang tận đến Âu Mỹ.

2.- Phật Giáo ở Nhật Bản:

Nhật Bản chịu ảnh hưởng của Đại-thừa Phật Giáo Trung Hoa truyền sang từ lâu đời, và là nước có một nền Phật Giáo mạnh nhất trong các nước theo Đại-thừa. Ngoài trừ một số người theo đạo và Thiên Chúa Giáo, còn đa số dân chúng đều là Phật tử thuần thành. Chùa chiền được các đời vua chúa trong quá khứ xây dựng rất nhiều khắp trong nước, và ngày nay các

thắng cảnh có tiếng nhất ở Nhật Bản đều là những danh lam. Người Nhật lấy làm hãnh diện về kiến trúc và vẽ đồ sộ của danh lam ấy lắm, cho nên người khách ngoại quốc nào đến nước Nhật cũng được đem giới thiệu các cảnh chùa chiền trước hết.

Về phần giáo lý thì Đạo Phật ở Nhật cũng chia ra làm nhiều Tôn phái như ở Trung Hoa. Nhưng các Tôn được thịnh hành nhất là Thiên Tôn, Pháp Hoa Tôn và Pháp Tướng Tôn .

Đạo Phật Nhật Bản trong quá khứ đã có một thành tích rất vẻ vang mà hiện nay vẫn còn rục rờ. Trong buổi giao thời tiếp xúc với Âu Tây, trong khi Đạo Phật ở các nước Á Đông đều có một giai đoạn suy đồi, thì Đạo Phật ở Nhật Bản vẫn giữ được uy thế của mình trong toàn quốc. Và ngày nay, với một tinh thần biết dung hòa cải tiến, biết tôn cổ mà cũng biết nghinh tân, nên Đạo Phật Nhật Bản vẫn đi theo kịp cái đà tiến bộ chung của toàn quốc và giữ giềng mối cho luân thường đạo đức ở trong nước. Chúng ta chắc rằng rồi đây, sau khi các nước Phật Giáo ở Á Châu được dịp tiếp xúc và thông cảm với nhau nhiều hơn nữa, thì Nhật Bản sẽ là nước

xứng đáng đứng ra lãnh nhiệm vụ lãnh đạo phong trào Phật Giáo Thế Giới.

III.- Sự Truyền Bá Phật Pháp Ở các Nước Châu Mỹ

Từ khi tiếp xúc với Á Châu, người Tây phương bắt đầu khảo cứu nền văn minh cổ của châu này và khám phá ra rằng văn hóa Á Châu không phải tầm thường như họ lầm tưởng lúc đầu, mà trái lại có nhiều điểm quý giá cần học tập. Trong kho tàng quý báu ấy, Đạo Phật đã phát chiếu ra nhiều hào quang rực rỡ. Do đó, các học giả Tây phương đã đổ xô sang nghiên cứu giáo-ly nhà Phật và đã viết rất nhiều tác phẩm về đạo Phật. Dần dần Đạo Phật không còn xa với quần chúng Âu Mỹ nữa. Mở đầu phong trào học Phật là những học giả người Anh, tiếp xúc nhiều với Á châu. Sau đó, họ thành lập những hội Phật học và xuất bản những tạp chí nói về Phật pháp. Những hội này có rất đông hội viên thực hành rất hăng hái . Hiện nay ở Âu châu và Mỹ châu hầu hết các nước đều có hội Phật- học, báo chí truyền bá Phật -pháp, những chùa hay thiền- viện để các tín đồ hay hội viên đến tập tham thiền. Có người sang ngay ở các

nước Phật Giáo Á châu như Ấn Độ, Tích lan, Thái -lan đề xuất -gia cầu đạo.

Trong các đại hội Phật Giáo thế giới Phật -tử Âu- Mỹ đều có đại diện của họ và đã tỏ ra là những Phật -tử thuần -thành.

Những bằng chứng cụ thể trên, cho phép chúng ta hy vọng rồi đây đạo Phật sẽ bành trướng mạnh mẽ ở Âu -Mỹ và đem lại cho các dân tộc ấy một nguồn an lạc mà họ không tìm thấy ở nền văn minh cơ khí họ đã sáng tạo ra.

IV.-Các Đại Hội Phật Giáo Thế Giới

Nhân loại càng tiến bộ, sự giao thông càng dễ dàng mau lẹ, thì các dân -tộc trên thế giới không còn lạ lẫm xa cách với nhau nữa. Đạo Phật ngày nay đã thành một tôn giáo có tầm hoạt động khắp thế giới, thì người Phật -tử, dù ở chân trời nào cũng vẫn là anh em một nhà, cùng thờ một bậc thầy chung là đức Bổn- Sư Thích - Ca Mâu- Nhiêu. Ý niệm thống nhất những hoạt động và những tổ chức Phật Giáo đã manh nha từ trước trận thế chiến thứ II mới thực hiện được.

Đại hội Phật Giáo thế giới đầu tiên đã được triệu tập vào năm 1950 tại Cô- Lôm -Bôm, kinh đô Tích -lan, gồm gần 500 đại biểu của 26 quốc gia và tổ chức Phật Giáo trên thế giới Đại hội ấy đã đặt nền tảng cho tổng hội Phật Giáo thế giới và đã bầu ra một ban chấp hành chung cho cả thế giới Phật Giáo. Một nội quy của tổng hội đã được biểu quyết và trụ sở của văn phòng ban chấp hành đã đặt ở Cô- lôm- bô. Sau đại hội vài tháng, bác sĩ Malaláekera chủ tịch Tổng hội đã đi thăm các nước Phật Giáo hội viên, và hai tờ tạp chí Phật Giáo của Tổng hội được phát hành trên thế giới là tờ: New Letter và The Buddhist World.

Từ đại hội đầu tiên ấy đến nay, cứ hai năm lại có một đại hội khác, mà địa điểm tuần tự thay đổi như sau:

-Năm 1952, đại hội kỳ II, họp tại Tokyo, kinh- đô nhật -bản , mà mục tiêu chính là quyết-định thống nhất hoạt động và các hình thức Phật Giáo trong các nước hội viên.

Năm 1954, đại hội kỳ III họp tại Rangoon, kinh đô Miến -Điện, cùng một lần với đại hội

kết tập Tam tạng kinh điển kỳ thứ VI, từ khi đức Phật nhập diệt đến nay.

Năm 1956, đại hội thứ IV họp tại Kathmandu, thủ đô Népal, nơi đức Phật đã giáng sinh, nội dung của đại hội này là thảo luận về văn hoá Phật Giáo: triết - lý, văn chương, nghệ - thuật..

Năm 1958, đại hội kỳ thứ V họp tại Bangkok, kinh đô Thái - lan, mà chương trình nghị sự la ụduyệt lại bản nội quy của Tổng hội

Năm 1961, đại hội kỳ thứ VI họp tại Nam - vang, kinh đô Cam- bát. Trong đại hội này, 21 quyết - nghị đã được chấp thuận, trong ấy có nhiều quyết nghị rất quan trọng như vấn đề phát triển văn hòava giáo lý trong các nước Phật Giáo, thành lập một học viện Phật Giáo Á châu, nhằm mục đích tương trợ, cung cấp tin tức và tài liệu, huấn luyện cán bộ các ngành hoạt động của Phật Giáo bảo vệ hòa bình thế giới và tín đồ Phật Giáo v.v..

Ngoài những đại hội có tính cách thường kỳ nói trên, các nước Phật Giáo Á châu còn thi nhau tổ chức rất trọng thể và có mời đại biểu quốc tế đến dự những lễ kỷ niệm 2.500 năm đức

Phật nhập niết bàn, như ở Ấn Độ, Nhật -bản, Tích lan, Miến-Điện v.v..

V.-Phong Trào Chấn Hưng Phật Giáo Ở Việt Nam

1.-Sự phát triển của phong- trào ở Nam, Trung, Bắc.- Noi gương thế giới, và nhất là Trung -Quốc, một phong trào chấn hưng Phật Giáo đã nổi lên tại Việt nam vào khoảng năm 1920. Lúc đầu chỉ là những cố gắng lẻ tẻ của một số quý vị Tăng già lão thành trong nước, mong giữ lại một ít giềng mối của đạo.Ở Bắc có sư cụ Vĩnh Nghiêm(Thanh Hạnh) sư cụ Tế Các (Phan Trung Thứ) sư cụ Bằng Sở (Dương Văn Hiến); ở trung có Ngài Tâm -Tịnh , Ngài Huệ Pháp, Ngài Phước -Huệ; ở Nam có Ngài Khánh -Hòa, Ngài Huệ Quảng, Ngài Khánh Anh, lại có sáng kiến mở trường dạy một số đệ tử với mục đích gây giống đạo pháp cho thế hệ sau. Đồng thời, các học giả có tiếng tăm trong nước như ông Phạm Quỳnh, cụ Trần -Trọng -Kim ..cũng có viết nhiều bài nghiên cứu về giáo lý đạo Phật rất có giá trị.

Tuy nhiên, phải đợi đến năm 1931, những cố gắng lẻ tẻ trên mới kết hợp thành lực lượng có tổ chức. Đầu tiên một hội Phật học được thành lập tại Sài Gòn lấy tên là Nam Kỳ nghiên cứu Phật học; kế đó là hội Lương Xuyên Phật học. Những vị có công khởi xướng cái tên hội này là Khánh Hòa, Ngài Huệ Quang, Ngài Khánh Anh cùng một số quý vị Tăng già và Cư sĩ tân tiến.

Năm 1932, ở Trung kỳ các Ngài Giác Tiên, Phước Huệ và một nhóm Cư sĩ Tân Hồng mà đứng đầu là đạo hữu Tâm Minh Lê Đình Thám đã thành lập Phật học hội mà hội quán là chùa Từ Đàm.

Năm 1934, ở Bắc kỳ có thượng tọa Tố Liên, thượng tọa Trí Hải, cụ Nguyễn Năng Quốc, Trần Trọng Kim cùng một số quý vị Đại đức và Cư sĩ lập ra Phật giáo Tổng Hội.

Những hội trên đây đều có mục đích và chương trình hoạt động giống nhau: Chinh đôn Thiên môn, văn hồi quy giới, đào tạo một thế hệ thanh niên tu sĩ chân chính, hữu học và hoằng dương chính pháp.

Để đạt được mục đích trên, các hội đều mở đạo trường cả. Ở Bắc, có trường Tăng học ở chùa Quán sứ, trường nhiều ở chùa Bồ đề; ở Trung có Phật học viện chùa Tây Thiên và chùa Bảo Quốc, trường Ni ở chùa Diệu Đức; ở Nam có Phật học viện Lương Xuyên (Trà Vinh) trường Ni ở chùa Vĩnh Bửu (ở Thơm).

Ngoài ra, các hội còn xuất bản những tạp chí để hoằng dương Phật pháp, như tờ Đuốc Tuệ ở Bắc, tờ Viên âm ở Trung, tờ Pháp âm, tờ Từ bi âm, Duy Tâm ở Nam. Những hội này được tín đồ nhiệt liệt hưởng ứng và bành trướng rất mau lẹ, chẳng bao lâu mỗi tỉnh trong nước đều có chi nhánh của hội. Nhờ sự hưởng ứng ấy mà các hội đã xây dựng thêm cơ sở, mở mang thêm nhiều Phật học viện, xuất bản thêm kinh sách, báo chí.

Nhưng trong khi phong trào chấn hưng Phật Giáo đang lên, thì trận thế chiến thứ 2 bùng nổ và tiếp theo là trận chiến tranh Việt-Pháp làm gián đoạn các sự hoạt động của các hội Phật học trong nước.

2) Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam.

Đến năm 1948, mặc dù chiến tranh Việt-Pháp chưa ngưng tiếng súng, nhưng vì nóng lòng vì Đạo pháp và để đem lại cho đồng bào một niềm an ủi trong cảnh tang thương chết chóc do chiến tranh gây ra, những nhà lãnh đạo Phật Giáo ở trong các vùng bị quân đội Pháp chiếm đóng, tích cực hoạt động để chinh đốn để phát triển những cơ sở của các hội đã bị chiến tranh tàn phá.

Ở Hà Nội các thượng tọa Tố Liên, Trí Hải với sự giúp đỡ của một nhóm cư sĩ tận tâm vì Đạo, đã làm sống dậy phong trào chấn hưng Phật Giáo và đem lại một sắc thái mới, chú trọng nhiều về các công tác từ thiện và xã hội, như lập cô nhi viện, tư thục, các cơ quan từ thiện cứu trợ nạn nhân chiến tranh.

Ở Huế cũng vậy, quý vị Tăng già và một nhóm cư sĩ đã hợp tác chặt chẽ để sửa sang lại các ngôi chùa đã bị đổ nát vì chiến tranh, đứng lên qui tụ những tín đồ và hội hữu đã tản mác vì thời cuộc, lập lại các tỉnh hội, các khuôn hội Phật học và đặc biệt phát triển ngành gia đình Phật tử là một tổ chức giáo dục thanh, thiếu niên

Phật tử, để làm hậu thuẫn cho Phật Giáo ngày mai...

Ở Việt-Nam các vị Tăng già và cư sĩ chung nhau thành lập hội Phật học Việt-Nam. mặc dầu ở trong những hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, các hội nói trên đã phát triển một cách mau lẹ, mạnh mẽ và được sự tín nhiệm của đồng bào nói chung, và nhất là của giới tín đồ Phật tử nói riêng. Trong khoảng vài năm, các hội ấy đã xây dựng thêm được nhiều hội quán, mở nhà in, phòng phát thuốc, thư viện, phát hành các cơ quan ngôn luận, kinh dịch ...

Đồng thời với các hội nói trên, các giáo hội Tăng già cũng tuần tự được tổ chức có qui cũ, tập trung được nhiều vị tăng tài, có thực tu; thực học và do đó đã gây được sự tín nhiệm lớn trong hàng Phật tử và lấy lại cái địa vị và trọng trách lãnh đạo tín đồ mà đức Phật đã giao phó.

Các hội cư sĩ và các Giáo hội Tăng già đã được chỉnh đốn và có thực lực ở Bắc, Trung, Nam ba miền, nhưng chưa có cơ hội thuận tiện để thống nhất ý chí và hành động, mặc dù ý

niệm thống nhất đã manh nha từ lâu trong đầu óc những nhà lãnh đạo Phật Giáo.

Nhưng cái gì phải đến, sẽ đến. Ngày 6-5-1951 một đại hội toàn quốc đã được triệu tập tại chùa Từ Đàm ở Huế, gần 51 đại biểu Tăng già và cư sĩ của 6 tập đoàn ở ba miền (3 tập đoàn Tăng già và 3 tập đoàn cư sĩ) để thành lập "tổng hội Phật Giáo Việt-Nam " và bầu ban chấp hành Trung ương cho hội Phật Giáo toàn quốc, hay ban "quản trị Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam ".

Hiện nay, Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam là đoàn thể quan trọng nhất ở Việt-Nam có tổ chức chặt chẽ hơn hết, theo đúng tinh thần của đạo Phật và qui tụ trên một triệu hội viên.

Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam cũng là hội viên sáng lập của Tổng hội Phật Giáo Thế giới, thành lập năm 1950 tại Columbo và đã cử đại biểu đi tham dự tất cả các khóa họp của Tổng hội Phật Giáo Thế giới. Tổng hội Phật Giáo Việt-Nam gồm các ngành hoạt động sau đây: Hoằng Pháp, Giáo dục, Văn mỹ nghệ, Thanh niên, Nghi lễ, Từ thiện xã hội...(1)

C.-Kết Luận:

Từ thừa đức Từ phụ nhập Niết bàn đến nay đã trên 25 thế kỷ rồi mà mặt trời chánh pháp, mặc dù đôi khi bị đám mây đen lướt qua, nhưng vẫn chiếu sáng toàn cõi đại địa. Riêng ở Việt-Nam đã được ánh sáng ấy chiếu đến gần 20 thế kỷ. Trong lịch sử Việt-Nam, những giai đoạn Phật Giáo thịnh hành là quốc gia được tự chủ, độc lập và hùng cường. Ngày này Phật Giáo Việt-Nam đã được phục hưng, ánh lại rực rỡ thêm. Đây là tin lành báo trước cho dân tộc Việt-Nam.

Chúng ta tin chắc với cái đà tiến triển như hiện nay, phong trào Phật Giáo Thế giới nói chung và Phật Giáo Việt-Nam nói riêng sẽ còn dâng cao, bủa rộng hơn nữa. Chúng ta có đủ lý do để tin tưởng như vậy, vì Phật Giáo không trái với khoa học ngày nay, mà còn là một nguồn an ủi, một suối yêu thương rất cần thiết cho nhân loại.

(1): Tập sách này soạn trước khi Giáo hội Phật Giáo Việt-Nam thống nhất ra đời

Phụ lục
Chùa Một Cột



Vị trí: Phố Chùa Một Cột, quận Ba Đình, Hà Nội.

Đặc điểm: Chùa có kiến trúc độc đáo, được tạo dáng như một bông sen cách điệu từ dưới nước vươn lên.

Chùa Một Cột có tên chữ là Diên Hựu (phúc lành dài lâu) được xây dựng vào năm 1049 thời vua Lý Thái Tông. Tương truyền khi ấy vua Lý Thái

Tông đã cao tuổi mà chưa có con trai nên nhà vua thường đến các chùa để cầu tự. Một đêm ông chiêm bao thấy Đức Phật Quan Âm hiện lên đài hoa sen ở một hồ nước hình vuông phía tây thành Thăng Long, tay bế đứa con trai trao cho nhà vua. Ít lâu sau hoàng hậu sinh con trai. Nhà vua cho dựng chùa Một Cột có dáng dấp như đã thấy trong giấc mơ để thờ Phật Quan Âm.

Chùa Một Cột là một Quốc tự, liên quan tới vua sáng lập triều Lý, được xây dựng gần khu vực Tử Cấm thành, hàng tháng cứ rằm, mồng một vua đến đặt lễ cầu phúc.

Theo sử sách, chùa được xây lần thứ nhất năm 1049: "Mùa đông tháng 10 dựng chùa Diên Hựu. Trước đây vua chiêm bao thấy Phật Quan Âm ngồi trên toà sen, dắt vua lên toà. Khi tỉnh dậy vua nói với bề tôi, có người cho là điềm không lành. Có nhà sư Thiên Tuệ khuyên vua làm chùa, dựng cột đá ở giữa đất, làm toà sen của Phật Quan Âm như đã thấy ở trong mộng. Cho các nhà sư đi xung quanh tụng kinh cầu nhà vua sống lâu. Vì thế gọi là chùa Diên Hựu (phúc lành dài lâu). Năm 1070 mùa xuân tháng giêng năm Thần Vũ thứ 2, vua viết chữ Phật dài 1 trượng 6 thước khắc vào phiến đá".

Lần xây dựng thứ hai vào năm 1105, vua tu bổ chùa Diên Hựu: "*Mùa thu tháng 9 làm hai ngọn tháp chỏm trắng ở chùa Diên Hựu... Bấy giờ vua chữa lại chùa đẹp hơn chùa cũ, đào hồ Liên Hoa Đài gọi là hồ Linh Chiếu. Ngoài hồ có hành lang chạm vẽ chung quanh, ngoài hành lang lại đào hồ*". Bích trì đều bắc cầu vòng để đi qua. Trước sân chùa xây Bảo Tháp. Trước khi vào chùa còn có một phương đình bằng đá xanh cao 8 trượng (khoảng 26m) trước cổng chùa. Chùa là một cụm kiến trúc bề thế, có ý tưởng độc đáo và thẩm mỹ đẹp đã bị chiến tranh tàn phá, trở thành um tùm rậm rạp thời giặc Minh".

Thông qua nhiều tài liệu cổ cho biết chiếc cột thần kỳ cao tới 20m, trong đó có bia Sùng Điện Linh ở chùa Long Đọi Nam Hà do Binh bộ thượng thư Nguyễn Công Bật viết đã mô tả và ghi chép tỉ mỉ việc xây tiếp chùa Một Cột: "Mở cửa chùa Diên Hựu tại vườn tây. Dấu vết theo quy mô thừa trước, lo toan Thánh ý ngày nay. Đào hồ thơm Linh Chiếu, giữa hồ trời lên cột đá. Trên cột đá có một cánh hoa sen ngàn cánh xoè ra. Trên hoa dựng ngôi đèn đỏ sẫm. Trong đèn đặt pho tượng sắc vàng, ngoài hồ có hành lang bao bọc. Ngoài hành lang lại

có hồ Bích Trì, bắc cầu cong đi lại, ở sân trước hai cầu bên tả hữu xây bảo tháp lưu ly...".

Đây là một công trình kiến trúc sáng tạo kết hợp không gian kiến trúc có nhịp điệu cao thấp gồm điêu khắc đá, hội họa, chạm vẽ hành lang, mặt nước là biểu tượng văn hoá, nghệ thuật cao, tính dân tộc đậm nét. Chùa đã bị huỷ hoại, xây dựng lại nhỏ hơn so với nguyên mẫu, nhắc lại ở đây một thời đã có một cụm kiến trúc độc đáo.

Hiện nay chùa Một Cột được khách thập phương trong và ngoài nước tới cầu nguyện và tham quan.

Source:

<http://www.quangduc.com/vietnam/index.html>